



TẠP CHÍ

thủy sản

CƠ QUAN
NGÔN LUẬN
CỦA
BỘ THỦY SẢN

ISSN 0866 - 7101



**CHỦ TỊCH NƯỚC TRẦN ĐỨC LƯƠNG GẶP GỠ
NHỮNG NGƯỜI LAO ĐỘNG GIỎI TRONG NGHỀ CÁ**
Nuôi trồng thủy sản - một lợi thế phát triển ngành thủy sản
**VASEP - bạn đồng hành với các doanh nghiệp chế biến
và xuất khẩu thủy sản**

CV 107

10 HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở NƯỚC TA

LẬP LẠI TRẬT TỰ NGHỀ PHẠ XÚC Ở CÁC TỈNH MIỀN TRUNG

3

Tháng 5+6

1999

CHỦ TỊCH NƯỚC TRẦN ĐỨC LƯƠNG

gặp gỡ những người

lao động giỏi trong nghề cá

♦ ĐỖ HẠNH

Mười hai gương mặt tiêu biểu cho những người lao động giỏi trong lĩnh vực khai thác và nuôi trồng thủy sản (NTTS) của nghề cá cả nước đã tập trung về Hà Nội để dự buổi gặp gỡ với Chủ tịch nước Trần Đức Lương vào những ngày tháng 5 tung bồng không khí kỉ niệm 109 năm ngày sinh và 30 năm thực hiện Di chúc của Bác Hồ kính yêu. Đây là một vinh dự lớn không chỉ đối với các đại biểu những người lao động giỏi trong nghề cá, mà còn đối với toàn ngành thủy sản.

Tại buổi gặp gỡ với Chủ tịch Trần Đức Lương tại Phủ Chủ tịch vào chiều ngày 19/5/1999, Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc và nhiều đại biểu trong đoàn đã chân thành cảm ơn sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và Chủ tịch đối với ngành. Thay mặt Ban Cán sự Đảng, lãnh đạo Bộ Thủy sản và bà con lao động nghề cá cả nước, Bộ trưởng đã hứa với Chủ tịch sẽ luôn luôn xứng đáng với sự quan tâm của Bác Hồ, của Đảng và Nhà nước, phát huy truyền thống, khắc phục khó khăn, vươn lên thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa, đưa ngành thủy sản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước, góp phần cải thiện đời sống tinh thần và vật chất, nâng cao dân trí cộng đồng ngư dân nước ta.

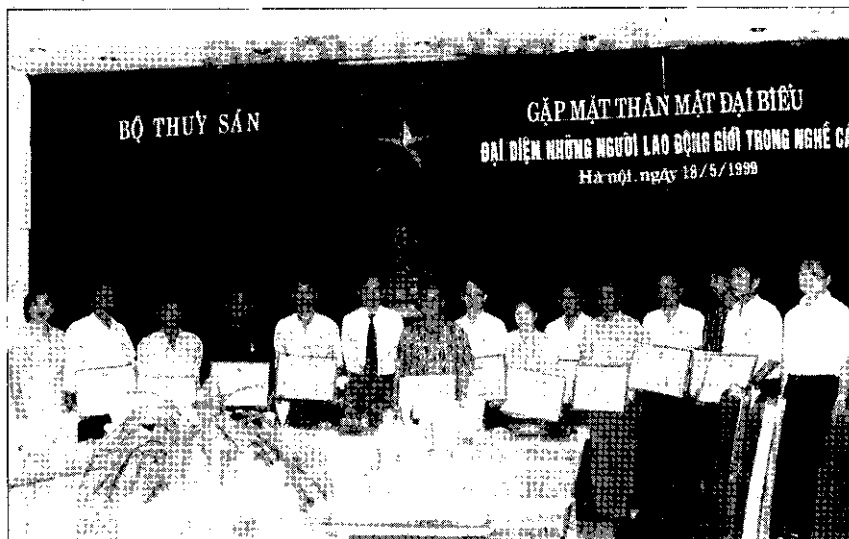
Nhiều đại biểu đã báo cáo với Chủ tịch những kết quả đã đạt được và kinh nghiệm bước đầu trong sản xuất, qua đó cũng đề xuất với Nhà nước những ý kiến mong được xem xét để khắc phục các khó khăn, tiếp tục vươn lên đánh bắt, NTTS tốt hơn nhằm xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống và xây dựng quê hương giàu đẹp.

Chủ tịch Trần Đức Lương hoan nghênh và vui mừng trước những thành quả của các đại biểu lao động giỏi trong nghề cá - những cá nhân, đơn vị nòng cốt trong khai thác, NTTS - đã góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới của đất nước. Chủ

tịch đánh giá cao nỗ lực của ngành thủy sản và các bộ, ngành liên quan trong triển khai thực hiện chiến lược kinh tế biển và mong muốn các bộ, ngành, địa phương trong cả nước cùng với các đơn vị, cá nhân, gia đình lao động giỏi trong nghề cá tiếp tục phát huy thành tích đạt được, góp phần đẩy nhanh công tác xóa đói giảm nghèo, thực hiện thắng lợi mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”.

Trước đó 1 ngày, tại buổi gặp mặt thân mật với lãnh đạo Bộ Thủy sản, Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc, các Thứ trưởng Nguyễn Thị Hồng Minh, Nguyễn Việt Thắng đã chăm chú lắng nghe ý kiến phát biểu của các đại biểu những người lao động giỏi trong nghề cá. Không chỉ bày tỏ niềm vui khi được về Thủ đô vào những ngày tháng 5 lịch sử, cũng không chỉ đơn giản là báo cáo thành tích, các đại biểu còn nói lên những nguyện vọng tha thiết của bà con lao động nghề cá trong lĩnh vực khai thác và NTTS, từ những chuyện xung quanh việc vay vốn đóng tàu, việc đầu tư xây dựng cơ sở trú đậu tàu thuyền và hậu cần dịch vụ cho nghề cá xa bờ, tổ chức thu mua sản phẩm để tránh bị tư thương ép giá... đến đề nghị giúp đỡ thêm về vốn, kĩ thuật và cung cấp con giống, có chất lượng để nuôi đạt năng suất cao. Bộ trưởng hài lòng khi nghe những lời chân thành của các anh, chị, từ thực tiễn sản xuất của bản thân và địa phương, cơ sở mình mà đề xuất với lãnh đạo Bộ, giúp cho công tác quản lí ngành được tốt hơn.

Tuy chưa đại diện thật đầy đủ cho các lĩnh vực sản xuất khác nhau của ngành nhưng các đại biểu có mặt ở Hà Nội lần này xứng đáng là những điển hình tiên tiến trong lao động sản xuất nghề cá. Đó là những người thuyền trưởng của các con tàu từng lập nhiều công lớn cả trong sản xuất và gìn giữ an ninh vùng biển của Tổ quốc; là những chủ nhiệm hợp tác xã (HTX) đánh cá kiên cường



bám biển, biết tổ chức sản xuất để trụ vững và phát triển trong quá trình chuyển đổi cơ chế đầy sóng gió như biển cả; là những ngư dân cần cù gắn bó với nghề, ham học hỏi và mạnh dạn đầu tư vươn ra khơi xa khai thác thủy sản có hiệu quả; là những nông dân từ vùng cao Tây Bắc xa xôi đến miền quê "chiêm Khê mùa thối" hoặc bãi triều ven biển biết vượt lên khỏi sự nghèo đói đeo bám họ trong quá khứ, xây dựng cuộc sống ổn định và làm giàu bằng phát triển NTTS. Đó là những người đã và đang đóng góp phần công sức nhỏ nhoi của mình cùng với 3 triệu lao động nghề cá trong cả nước tạo dựng nên dung mạo của ngành thủy sản hôm nay - một ngành kinh tế liên tục tăng trưởng trong gần 20 năm qua.

Anh Nguyễn Văn Nhi là thuyền trưởng tàu Bến Đầm 42 KT, đội trưởng đội tàu Bến Đầm của Công ti Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo. Hoạt động trên một ngư trường trọng điểm rộng lớn ở phía Nam, có tầm chiến lược quan trọng cả về kinh tế và an ninh quốc phòng, nhiều năm qua, cùng với tập thể, anh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất và bảo vệ an ninh trên biển. 3 năm qua, đội tàu của anh đã khai thác 2176 tấn hải sản, doanh thu 2,923 tỉ đồng, lãi 211 triệu đồng. Bên cạnh đó, còn bắt giữ hàng chục tàu thuyền cùng hàng trăm người nước ngoài xâm nhập trái phép vùng biển nước ta đánh bắt trộm hải sản. Đơn vị do anh phụ trách đã được nhận nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Thủy sản, Bộ Tư lệnh Hải quân, Ủy ban Nhân dân

tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu...

Anh Võ Văn Kiều - thuyền trưởng tàu HD 170 thuộc đoàn tàu cào lớn của Công ti quốc doanh đánh cá Kiên Giang - đơn vị Anh hùng. Vượt qua nhiều khó khăn, anh và tập thể con tàu đã nỗ lực không ngừng để đạt hiệu quả cao trong sản xuất, đem lại lợi nhuận nhiều nhất cho Công ti. Sản lượng khai thác của con tàu ngày càng tăng, từ 1053 tấn (năm 1996), 1350 tấn (năm 1997) đến 1522 tấn (năm 1998), doanh thu và lợi

nhuận cũng tăng theo. Tàu HD 170 là con chim đầu đàn trong đoàn tàu khai thác của công ti, đã đi đầu trong việc tìm ngư trường mới xa bờ, tổ chức đánh bắt thăm dò để đoàn tàu của công ti và bà con ngư dân đến tập trung khai thác. Cũng như tàu Bến Đầm 42 KT, tàu HD 170 thường xuyên tham gia và thực hiện tốt công tác gìn giữ an ninh trên biển, bảo vệ nguồn lợi hải sản và chủ quyền vùng biển. Anh đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Thủy sản, UBND tỉnh Kiên Giang tặng nhiều bằng khen.

Anh Lê Văn Do là chủ nhiệm HTX nghề cá Ngọc Tiến (Quảng Ninh) - HTX nghề cá duy nhất của tỉnh Quảng Ninh được thành lập từ gần 40 năm trước đây còn tồn tại và phát triển, trong khi hầu hết các HTX nghề cá khác trong tỉnh khi đối mặt với những cơn sóng của cơ chế thị trường đã bị chao đảo, thu hẹp dần qui mô và cuối cùng là giải thể. Đến nay, HTX có đội tàu đánh bắt xa bờ gồm 7 chiếc lắp máy từ 105-140CV, 3 tàu hậu cần dịch vụ dầu. Năm nay, HTX đã triển khai dự án đóng 2 tàu vỏ gỗ lắp máy 425CV. Trên cương vị của mình, anh luôn chú trọng công tác củng cố bộ máy, đào tạo nghiệp vụ và chỉ đạo HTX thực hiện phương án khoán quản trong sản xuất. HTX Ngọc Tiến đã được tặng thưởng 2 Huân chương Kháng chiến, Lẵng hoa của Chủ tịch nước, Cờ Luân lưu của Chính phủ và nhiều bằng khen của Bộ Thủy sản, UBND tỉnh Quảng Ninh.

Anh Nguyễn Hữu Thụ là chủ nhiệm HTX

nghe cá Hải Đông (Nghệ An). Anh là người say mê với việc cải tiến kĩ thuật, áp dụng tiến bộ công nghệ để nâng cao năng suất khai thác, giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận. HTX Hải Đông hiện nay hoạt động đa nghề (rê nhiều tầng, câu, chụp mực bằng ánh sáng), quanh năm nên bà con có việc làm thường xuyên, thu nhập cao và ổn định (cao nhất so với các nơi cùng làm nghề biển ở Nghệ An). HTX còn đầu tư và tổ chức dịch vụ nghề cá như sản xuất đá lạnh, cung cấp nước ngọt, nhiên liệu, sửa chữa tàu thuyền, bảo quản sản phẩm...

Các ngư dân giỏi có mặt ở Hà Nội lần này còn là các anh Lê Công Thành ở Đà Nẵng, Phạm Hiến ở Quảng Ngãi, Trần Văn Nhơn ở Bình Định và Nguyễn Văn Kim ở Cà Mau. Mỗi người một vẻ nhưng tất cả họ đều là những điển hình của sự năng động, sáng tạo trong lao động, mong muốn và nhanh chóng tiếp nhận kĩ thuật mới, tiến bộ để đưa vào sản xuất có hiệu quả. Họ cũng là những người mạnh dạn đầu tư đóng tàu lớn ra xa bờ đánh bắt hải sản, do từ chính thực tế cuộc sống chài lưới của họ đã cho thấy không thể quản quanh ở vùng ven bờ với những mẻ lưới ngày càng ít tôm cá. Và từ đó, nhiều bà con xung quanh đã làm theo họ. Cuộc sống cũng từ đó mà đổi thay, từ chỗ thu nhập thấp, không ổn định, nay đã dần có của ăn bát để...

Một khuôn mặt gây nhiều ấn tượng trong số các đại biểu những người nuôi cá giỏi là chị Hoàng Thị Mai, người dân tộc H'Mông ở bản cao Tà Lèng, xã Noong Bua, thị xã Điện Biên Phủ (Lai Châu). Năm 1994 trở về trước, cuộc sống gia đình chị quanh năm khổ cực, túng thiếu cho dù 2 vợ chồng chị đã đổ hết mồ hôi nơi nương lúa, chuồng lợn, đàn gà. Cuối năm 1994, chị bắt đầu một nghề mới - nuôi cá - với mong muốn thoát khỏi đói nghèo. Được sự giúp đỡ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm khuyến nông, Hội Phụ nữ tỉnh và Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I, chị được vay vốn, được tập huấn kĩ thuật và đã can củ như "con ong, con kiến", phát triển dần nghề nuôi cá của gia đình và lôi kéo chị em trong bản cùng tham gia. Nhờ nuôi cá mỗi năm một hiệu quả hơn, cuộc sống gia đình chị khá hẳn lên, làm được nhà, mua vô tuyến, xe đạp, nuôi 4 con nhỏ ăn học. Việc chị làm đã là một ví dụ chứng minh

cho câu ngạn ngữ "Nhất canh trì..." hoặc "Muốn giàu nuôi cá..." Giàu có thể chưa được, nhưng xóa đói giảm nghèo bằng NTTS ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa thì đã rõ.

Cũng tương tự, anh Cao Quốc Sự, Chủ tịch UBND xã Hoàng Phụ, huyện Hoàng Hóa (Thanh Hóa) cho biết: Nhờ vào việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, Hoàng Phụ đã đưa 100% diện tích mặt nước của xã vào NTTS, đến nay giá trị NTTS của Hoàng Phụ đã đạt 40 triệu đồng/ha/năm, bằng 4 lần so với trồng lúa. Thu nhập từ NTTS chiếm 30-40% tổng thu nhập của toàn xã. Xã không còn hộ đói, tỉ lệ hộ nghèo giảm từ 15% những năm trước đây xuống còn 5%. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, các công trình phúc lợi được đầu tư xây dựng từ thành quả của NTTS. Bộ mặt nông thôn ven biển đã thay đổi nhờ phát huy lợi thế tiềm năng NTTS.

Anh Nguyễn Văn Loan (Bắc Giang) lại là một điển hình về nuôi thủy sản qui mô hộ gia đình. 5 năm trước, anh bắt đầu nuôi cá trên chân ruộng cấy 1 vụ chiêm. Một năm sau đó, anh đào và xây ao nuôi ba ba. Từ cấy lúa, trồng màu hiệu quả thấp chuyển sang NTTS, mỗi năm anh lãi 20-30 triệu đồng. ở vùng đồng đất mà bình quân ruộng đất chỉ có 700m²/người, thu nhập năm 1998 là 1,5 triệu đồng/người thì lợi nhuận trên cũng là một con số có ý nghĩa thuyết phục.

Anh Lâm Thanh Tuấn đến từ những vùng tôm ở Sóc Trăng. Từ năm 1994, anh khởi nghiệp nuôi tôm sú, tôm càng theo hướng dẫn kĩ thuật của Trung tâm khuyến ngư tỉnh, kết hợp với trồng lúa, mỗi năm lãi hàng chục triệu đồng. Năm 1998, anh thu 90 triệu đồng tiền lãi từ nuôi tôm, ngoài ra còn 8 tấn lúa và các loại trái cây như dưa, ớt, đu đủ...

Lao động cần cù, có kĩ thuật đã mang lại cho anh những thành quả lớn lao từ nuôi tôm - điều mà trước đó, khi chỉ làm ruộng đơn thuần, anh chưa hề đạt được.

Tạm biệt Hà Nội, các đại biểu trở về với nơi mình sinh sống và làm việc trong tâm trạng phấn khởi, tin tưởng và quyết tâm lao động sản xuất tốt hơn nữa, thực hiện điều mong muốn của Chủ tịch nước cũng như của lãnh đạo ngành, tiếp tục giữ vai trò đầu tàu trong phong trào thi đua lao động yêu nước ở địa phương, cơ sở □

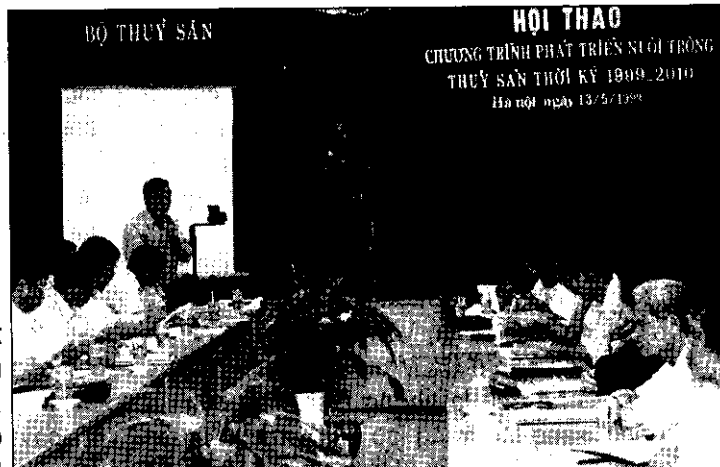
NUÔI TRỒNG THỦY SẢN MỘT LỢI THẾ PHÁT TRIỂN NGÀNH THỦY SẢN

♦ HOÀNG HÀ

PHÁC THẢO MỘT HIỆN TRẠNG

Cùng với sự phát triển của ngành thủy sản trong những năm qua, nuôi trồng thủy sản (NTTS) ở nước ta đã có bước tiến triển được thể hiện qua con số bình quân tốc độ tăng trưởng hàng năm từ 4 đến 5%. Năm 1998, diện tích NTTS tăng 4,38%, sản lượng NTTS tăng 5,5% so với kết quả đạt được năm 1997. Đến hết năm 1998, đã có 626.330 ha mặt nước được đưa vào sử dụng NTTS (so với tiềm năng diện tích khoảng 1,7 triệu ha), trong đó 335.890 ha mặt nước ngọt (ao hồ nhỏ, hồ chứa, ruộng trũng) và 290.440 ha mặt nước lợ, mặn (vùng triều, eo vịnh, đầm phá ven biển) với nhiều đối tượng nuôi phong phú: tôm cá nước ngọt, nước lợ và nước mặn, nhuyễn thể, cua biển, rong câu... và hình thức nuôi đa dạng: nuôi cá ao hồ nhỏ, ruộng trũng, hồ chứa, nuôi lồng trên sông, ngoài biển, nuôi trong đầm nước lợ, rừng ngập mặn... đem lại sản lượng 537.870 tấn, chiếm 32% tổng sản lượng thủy sản cả nước. Bên cạnh đó, với 354 trại cá giống sản xuất khoảng 7 tỉ cá bột, về cơ bản chúng ta đã cung cấp đủ giống nhân tạo các loài cá nuôi nước ngọt phổ biến thoả mãn nhu cầu giống nuôi ở các loại hình mặt nước và các vùng sinh thái khác nhau, đồng thời di nhập, thuần hoá và sinh sản nhân tạo một số loài cá mới, tôm càng xanh, sản xuất 3,4 tỉ giống tôm sú... Trong quá trình bước đầu chuyển sang phương thức nuôi bán thâm canh và thâm canh, đã quan tâm đến việc chế biến và sử dụng thức ăn công nghiệp. Với 24 cơ sở sản xuất thức ăn, năm 1998 đã sản xuất 20.000 tấn thức ăn nuôi tôm cá, đáp ứng phần nhỏ cho các vùng nuôi tôm, cá bè và đặc sản... Công tác phòng ngừa dịch bệnh, bảo vệ môi trường cũng có chuyển biến nhằm hạn chế sự phát sinh và lây nhiễm bệnh tật, ảnh hưởng đến năng suất và hiệu quả của NTTS.

Từ sự phát triển nhanh chóng về diện tích đã dẫn tới tăng sản lượng NTTS, chất lượng và giá



trị của các sản phẩm NTTS cũng dần dần được nâng lên, tuy chưa tương xứng với tốc độ phát triển diện tích. Mặt khác, cũng phải thừa nhận còn nhiều điều tồn tại trong quá trình phát triển vừa qua, thể hiện ở mọi khía cạnh như chưa quan tâm đầy đủ đến việc qui hoạch sử dụng hợp lý mặt nước NTTS; thiếu qui hoạch cụ thể cho các tiểu vùng để có đầu tư phù hợp với cơ sở hạ tầng đồng bộ; sự phát triển còn mang tính tự phát ở nơi này, nơi khác đã làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái; chậm điều chỉnh sắp xếp lại hệ thống giống NTTS; đầu tư cho NTTS quá thấp và thiếu đầu tư phát triển chiều sâu hoặc cho việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi; bộ máy tổ chức quản lý NTTS ở địa phương - nhất là các tỉnh nội địa - bị xáo trộn; một số chính sách như chính sách sử dụng mặt nước NTTS, chính sách bảo trợ sản xuất khi gặp rủi ro... hoặc chưa ban hành kịp thời hoặc chưa được cụ thể hoá một cách phù hợp với thực tiễn đã hạn chế tác dụng khuyến khích phát triển sản xuất. Tất cả điều đó làm cho hiệu quả NTTS - cả về mặt kinh tế và xã hội - chưa tương xứng với tiềm năng, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững trong lĩnh vực NTTS.

SỰ CẦN THIẾT CÓ MỘT CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN

Rõ ràng là sản xuất NTTS ở nước ta từ một nền sản xuất tự cấp, tự túc đã chuyển sang

sản xuất hàng hoá tuy còn bộc lộ những bất cập như đã nêu ở trên. Một lượng đáng kể sản phẩm NTTS được sử dụng làm thực phẩm hàng ngày cho nhiều triệu người dân và một lượng to lớn khác là nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu, đem về nhiều triệu đôla cho đất nước. Những con số tính toán cho thấy, hiện nay ở nước ta thủy sản chiếm phần nửa lượng thực phẩm cung cấp prôtêin cho người, mức tiêu thụ cá bình quân đạt hơn 10 kg/người/năm. Trong cơ cấu các mặt hàng thủy sản xuất khẩu của chúng ta, tôm - trong đó chủ yếu là tôm nuôi - luôn chiếm vị trí hàng đầu về khối lượng. Năm 1998, tôm chiếm 52,5% lượng thủy sản xuất khẩu của cả nước. Các nhà phân tích thị trường đã thấy trước viễn cảnh về khả năng tăng nhu cầu sử dụng thủy sản làm nguồn cung cấp thực phẩm quan trọng trong tương lai cho tiêu dùng trong nước cũng như chế biến xuất khẩu. Cách đây nửa năm, tại quyết định số 251/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển xuất khẩu thủy sản đến năm 2005, đã xác định một trong các nhiệm vụ là phải "phát triển nuôi trồng, khai thác, đảm bảo đủ nguyên liệu phục vụ chế biến xuất khẩu", trong đó khẳng định đưa NTTS trở thành nguồn chính cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu, cụ thể là phát triển nuôi tôm, tổ chức nuôi cá biển và các loài nhuyễn thể hai mảnh vỏ, mở rộng và khuyến khích nuôi các loài thủy sản nước ngọt phục vụ xuất khẩu. Trong Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 1998 và chủ trương, biện pháp triển khai kế hoạch năm 1999 của ngành thủy sản, khi nhìn nhận về những tồn tại trong phát triển NTTS, cũng đã ghi "Chưa có chương trình phát triển NTTS để từ đó có các giải pháp hữu hiệu giúp cho NTTS phát triển bền vững, có hiệu quả". Và một trong 10 chủ trương của ngành năm 1999 được nêu là "Xây dựng chương trình phát triển NTTS làm căn cứ cho việc đầu tư lâu dài và có các chính sách phù hợp cho việc phát triển NTTS". Qua đó đủ nhận thấy sự cần thiết, cấp bách phải tổ chức việc xây dựng và thông qua chương trình phát triển cho một thời kì dài, với các quan điểm và định hướng rõ ràng, các mục tiêu và giải pháp thực hiện cụ thể, đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn sản xuất NTTS.

Một chương trình phát triển như vậy sẽ

dem lại hiệu quả kinh tế - xã hội to lớn. Theo các nhà kinh tế, tỉ suất đầu tư cho NTTS thấp nhưng lợi nhuận đưa lại cao hơn so với chăn nuôi, trồng trọt, trong ngành nông nghiệp hoặc so với các lĩnh vực sản xuất khác trong chính ngành thủy sản. Với phương tiện tàu thuyền và công cụ khai thác như hiện nay đã hạn chế nhiều đến khả năng ra xa bờ đánh bắt hải sản, trong khi năng suất đánh bắt vùng ven bờ đã thấp ngày càng thấp hơn, chỉ còn 0,3 tấn/CV/năm. Cho dù đã có 2 năm triển khai thực hiện chương trình khai thác hải sản xa bờ, nhưng số đông lao động nghề cá vẫn phải quần quanh trong lòng để "vét" nguồn lợi hải sản ngày càng giảm sút ở vùng này. NTTS phát triển là cơ hội để giảm "sức ép" to lớn đối với vùng ven bờ, tạo điều kiện thuận lợi cho khôi phục và tái tạo nguồn lợi thủy sản. NTTS phát triển sẽ tạo thêm việc làm cho nhiều triệu lao động là nông dân ở các tỉnh nội đồng vừa làm ruộng vừa nuôi cá, là ngư dân không có điều kiện đánh bắt hải sản ở xa bờ, là bà con làm dịch vụ cho nghề cá... NTTS phát triển còn góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở nông thôn ven biển, tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên đất và nước, tăng lợi nhuận trên cùng một mảnh ruộng, sào ao, giúp thực hiện có kết quả hơn chương trình xoá đói giảm nghèo.

Đất nước ta có tiềm năng to lớn về diện tích mặt nước có thể sử dụng NTTS. Phát triển NTTS sẽ "đánh thức" tiềm năng mặt nước còn đang "im ắng". Và với phần diện tích đã nuôi tôm cá, khi được áp dụng các công nghệ tiến bộ và có trình độ thâm canh cao hơn, hẳn sẽ đạt hiệu quả kinh tế to lớn hơn.

Ngày nay, tại những quốc gia có điều kiện phát triển NTTS ở nhiều vùng trên thế giới và nhất là trong khu vực, đã có sự tăng cường đẩy mạnh đầu tư phát triển sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu gia tăng tiêu thụ các loại sản phẩm NTTS. Với chúng ta, việc tập trung xây dựng chương trình phát triển NTTS cho thời gian tới sẽ thúc đẩy NTTS phát triển với tốc độ nhanh hơn, đảm bảo hơn cho sự phát triển bền vững, tạo thêm lợi thế để phát triển ngành thủy sản theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng thủy sản thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước □

CÔNG TI TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ THỦY SẢN PHẦN ĐẦU VƯƠN LÊN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA NGÀNH

♦ PTS NGUYỄN QUANG VINH

Giám đốc Công ti Tư vấn đầu tư và Thiết kế thủy sản



Công ti Tư vấn đầu tư và Thiết kế thủy sản, tên giao dịch quốc tế là Consulting Investment and Design company (CIDECO) được thành lập theo Quyết định số 854 QĐ/TCCB - LD ngày 17/10/1996 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản, đăng kí doanh nghiệp nhà nước số 111630 ngày 7/4/1997 của Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội và đăng kí hành nghề, giấy phép số 281/BXD - CSXD ngày 24/7/1997 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ti là đơn vị thành viên của Tổng công ti thủy sản Việt Nam và được thành lập trên cơ sở hợp nhất hai công ti của ngành trước đây là Công ti Thiết kế tàu thủy và cơ khí và Công ti Xây dựng và lắp đặt công trình lạnh.

Tiền thân của hai công ti trên là Phân viện Thiết kế cơ khí tàu thuyền và Phân viện Thiết kế xây dựng đã được thành lập từ giữa những năm 60, trực thuộc Tổng cục Thủy sản.

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước và những năm đầu xây dựng lại đất nước, hai phân viện (công ti sau này) là

các đơn vị mạnh và uy tín cao trong và ngoài ngành thủy sản, đã thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, các đề tài này đã được nghiệm thu và ứng dụng trong thực tiễn; xây dựng hàng chục tiêu chuẩn ngành; đã đóng góp cho ngành và cho đất nước hàng trăm mẫu thiết kế tàu cá, cầu cảng, khu chế biến đông lạnh, cơ sở đóng sửa tàu thuyền, các khu công nghiệp và dân dụng, các sản phẩm cơ khí chuyên ngành.

Nhiều mẫu thiết kế còn được thực hiện phục vụ cho an ninh quốc phòng, giao thông vận tải và các ngành kinh tế khác.

Với những thành tích và thành công trong nhiều lĩnh vực, với Phân viện trước kia và Công ti sau này đã được Nhà nước tặng thưởng huân chương Lao động hạng hai, hạng ba, nhiều cơ Đơn vị thi đua xuất sắc của Bộ Thủy sản và nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Thủy sản và các Bộ, ngành khác.

Bước vào thời kì đổi mới, trong cơ chế thị trường tuy gặp muôn vàn khó khăn, với đội ngũ 70 cán bộ công nhân viên chức, trong đó có 70% cán bộ có trình độ đại học và trên đại học được phát huy, đặc biệt là lực lượng trẻ có kiến thức và trình độ. Cơ sở vật chất kĩ thuật của Công ti cũng ngày càng được mở rộng và nâng cấp đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành trong giai đoạn công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Hơn hai năm sau ngày thành lập, Công ti Tư vấn đầu tư và Thiết kế thủy sản, đã đóng góp tích cực và hiệu quả vào các chương trình của ngành:

Với Chương trình khai thác hải sản xa bờ, trong hai năm qua nhiều cán bộ của

Công ti đã đi suốt chiều dài đất nước từ Quảng Ninh đến Kiên Giang để khảo sát, tập hợp các yêu cầu của ngư dân về các mẫu tàu phù hợp với nghề nghiệp khai thác, tập quán sử dụng, thậm chí cả các lí do về tín ngưỡng để thiết kế lên các con tàu thoả mãn đến từng chủ đầu tư. Do vậy số lượng mẫu là hết sức khổng lồ với 318 mẫu có công suất từ 90 - 600CV, với các mẫu trên đã có gần 500 con tàu đã được đóng, nhiều con tàu đã hạ thủy đi vào sản xuất. Nhiều mẫu tàu đã được ngư dân đánh giá cao về tính năng kĩ thuật, khai thác và hiệu quả kinh tế.

Từ cuối năm 1998, thực hiện chỉ thị của Nhà nước không thu thiết kế phí với các mẫu tàu đánh bắt hải sản xa bờ và cung cấp miễn phí thiết kế cho các chủ dự án trong khi các hợp đồng cung cấp thiết kế cho các chủ đầu tư đã hầu như hoàn tất mà chưa có sự hỗ trợ nào gây không ít khó khăn cho hoạt động của Công ti. Song với tinh thần "Tất cả vì sản xuất, vì chương trình chiến lược của ngành", một mặt vẫn thực hiện nghiêm túc các chỉ thị của Bộ Thủy sản và Nhà nước, mặt khác Công ti quyết tâm bám sát các cơ sở đóng lắp để thiết kế những con tàu tốt nhất cho ngư dân.

Với đội tàu kiểm ngư nhằm xây dựng lực lượng tuần tra BVNLTTS hùng mạnh, cho đến nay Công ti đã thiết kế, giám sát thi công, đưa vào sử dụng 16 trên tổng số 25 tàu đã được người sử dụng từ Quảng Ninh đến Kiên Giang đánh giá là đạt các yêu cầu về các tính năng đặt ra. Đặc biệt tốc độ trung bình của tàu đạt từ 13 đến 15 hải lí/giờ và với các mẫu trên có thể cải tiến nâng tốc độ cao hơn.

Cùng với các mẫu tàu phục vụ ngành Công ti còn thiết kế tàu tuần tra có tốc độ cao cho các cơ quan an ninh, quốc phòng và hải quan, có tàu lắp máy trên 1300CV. Ngày nay bên cạnh vật liệu vỏ gỗ, vỏ thép truyền thống Công ti đang đi vào thiết kế các mẫu tàu vật liệu nhôm và composite.

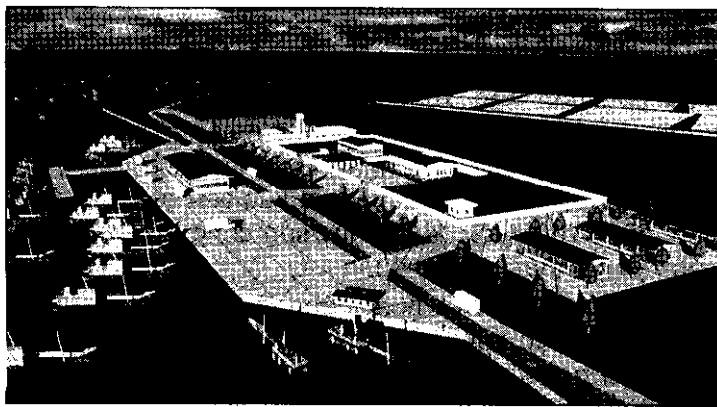
Trong hai năm qua Công ti đã

triển khai nhiều hoạt động tư vấn đầu tư về cầu cảng, làng cá, chợ cá, công trình nuôi mật nước lớn, cơ sở chế biến, điện, lạnh, các công trình kiến trúc dân dụng như trụ sở, nhà làm việc, văn phòng, khách sạn... ở hầu khắp các tỉnh từ Bắc đến Nam. Các hoạt động này đã mang lại kết quả rất tốt cả về nội dung cũng như tiến độ.

Trong chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản, ngoài khả năng thực hiện việc lập dự án, thiết kế qui hoạch, thiết kế kĩ thuật, lập tổng dự toán và dự toán xây dựng cho các công trình nuôi trồng thủy sản, Công ti đã cung cấp hàng loạt các trang thiết bị cơ khí cho lĩnh vực này với chất lượng cao như hệ thống nâng nhiệt bể giống, hệ thống sục khí, nhiều loại bơm tưới tiêu cho các đầm ao theo nguyên lí không cần mồi, các thiết bị làm sạch đáy ao,...

Công ti đang mở rộng quan hệ với nhiều đối tác nước ngoài có mong muốn đầu tư vào Việt Nam và do đó có thể tư vấn tạo nguồn vốn và chuyển giao công nghệ cho các đối tác Việt Nam.

Trước yêu cầu về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành thủy sản, không dừng lại ở những kết quả đã đạt được, Công ti tiếp tục phấn đấu vươn lên đạt kết quả to lớn hơn, với phương châm "Phát huy tối đa nội lực, tranh thủ sự giúp đỡ của trong và ngoài nước để nhanh chóng đổi mới công nghệ, trang bị lại cơ sở vật chất kĩ thuật để đáp ứng nhu cầu phát triển to lớn của toàn ngành" □



VASEP - BẠN ĐỒNG HÀNH VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN

♦ LÊ HÀ

Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (Vietnam Association of Seafood Exporters and Producers - VASEP) ra đời ngày 12/6/1998 theo Quyết định số 242 BTS/QĐ ngày 8/6/1998 của Bộ trưởng Thủy sản. Hiệp hội là tổ chức của các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu thủy sản nước ta, hoạt động nhằm mục đích liên kết và phối hợp hành động của các doanh nghiệp, giúp nhau nâng cao giá trị, chất lượng và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm thủy sản Việt Nam trên thị trường, đồng thời đại diện và bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của các hội viên.

Từ ngày đầu thành lập, Hiệp hội đã có 69 hội viên tham gia. Qua 1 năm hoạt động, số hội viên hôm nay đã lên đến 80, bao gồm các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, chế biến xuất khẩu thủy sản. Đáng lưu ý là chỉ riêng số thành viên Hiệp hội hàng năm đã có doanh số chiếm tới gần 90% doanh số xuất khẩu thủy sản cả nước.

Bằng nhiều hoạt động thiết thực, Hiệp hội bước đầu đã chứng minh được vai trò của một trợ thủ đắc lực cho các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu thủy sản, là cầu nối giữa các nhà sản xuất trong nước với thị trường bên ngoài, là địa chỉ đáng tin cậy cho các hội viên và các nhà nhập khẩu thủy sản ở nước ngoài liên hệ tìm hiểu và xúc tiến các hoạt động xuất nhập khẩu thủy sản cũng như các vấn đề khác có liên quan.

Một trong các hoạt động được đánh giá cao là việc xuất bản thường xuyên *Bản tin Thương mại thủy sản*, trong đó đề cập đến các lĩnh vực thị trường, tình hình xuất khẩu, giá cả, văn bản chính sách, chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản... với những

thông tin nóng, tương đối cập nhật, đưa đến cho người đọc những hiểu biết hết sức cần thiết, giúp đỡ thiết thực cho họ trong sản xuất kinh doanh. Đây cũng là nơi để hội viên phản ánh các hoạt động của cơ sở, đề xuất những ý kiến nhằm tháo gỡ khó khăn, ách tắc trong công việc.

Công tác xúc tiến thương mại là một hoạt động của Hiệp hội thu được nhiều thành công trong năm hoạt động vừa qua. Hiệp hội đã quan tâm giới thiệu khách hàng cho các doanh nghiệp hội viên. Hơn 100 khách hàng từ các thị trường Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, châu Âu... đã được trao đổi cung cấp thông tin để xây dựng và mở rộng quan hệ buôn bán. Hiệp hội cũng chú trọng tăng cường tiếp cận thị trường bên ngoài, tạo cơ hội để người bán- người mua trực tiếp gặp gỡ, tìm hiểu, giới thiệu năng lực kinh doanh và quảng cáo sản phẩm... thông qua việc tổ chức các đoàn doanh nghiệp tham dự các hội chợ triển lãm thủy sản quốc tế như Hội chợ Côn Minh (Trung Quốc, 8/1998), Đại Liên (Trung Quốc, 10/1998), Boston (Hoa Kỳ, 3/1999), Brussels (Bỉ, 4/1999). Ngay ở trong nước, các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam cũng đã có cuộc trình diễn lớn tại Hội chợ triển lãm quốc tế thủy sản Việt Nam VIETFISH'99 được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh hồi đầu tháng 2 năm nay.

Ngoài ra, Hiệp hội còn phối hợp với Dự án SEAQIP tổ chức các lớp tập huấn về marketing cho các cán bộ làm công tác thị trường ở các doanh nghiệp, tập hợp và nỗ lực kết các doanh nghiệp cùng sản xuất một loại sản phẩm để hình thành các câu lạc bộ sản phẩm như Câu lạc bộ các doanh nghiệp sản xuất cá nước ngọt phi lê, Câu lạc bộ các doanh nghiệp chế biến tôm sú... để cùng giúp nhau vượt qua các khó khăn trong sản

xuất kinh doanh các mặt hàng này.

Ngoài việc phát huy nội lực, trong năm qua Hiệp hội cũng tích cực mở rộng quan hệ đối ngoại, đã tiếp xúc làm việc với các Hiệp hội thủy sản Hoa Kỳ, Nhật Bản, gặp gỡ trao đổi với đoàn Cục Nghề cá biển Hoa Kỳ, Tập đoàn Diversify Business Communication (Hoa Kỳ), với lãnh đạo Tập chí nghề cá có uy tín trên thế giới Seafood International....Hiện nay, Hiệp hội được công nhận là thành viên thông tấn của INFOFISH.

Vượt qua những bước đi chập chững của năm đầu tiên, Hiệp hội đã dần tạo được vị thế của mình trên hành trình còn không ít khó khăn tìm đến sự phát triển bền vững và sự hội nhập của công nghiệp chế biến và xuất khẩu thủy sản nước ta. Chặng đường tới

đòi hỏi sự phấn đấu bền bỉ hơn nữa của từng thành viên Hiệp hội. Chủ tịch Hiệp hội Nguyễn Thị Hồng Minh- thay mặt Ban Chấp hành Hiệp hội - nhân dịp Hiệp hội tròn một năm tuổi đã mong "các hội viên có thêm bản lĩnh, nghị lực và ý chí mới, vươn tới những thành công to lớn hơn nữa, góp phần tích cực vào sự phát triển của Hiệp hội và của toàn ngành thủy sản". Mỗi hội viên được như vậy sẽ tạo nên sức mạnh chung của Hiệp hội, tạo đà để Hiệp hội hoạt động tốt hơn nữa theo tôn chỉ và mục đích đã được xác định, đóng góp được nhiều hơn cho sự phát triển công nghiệp chế biến và xuất khẩu thủy sản nước ta, thực hiện thắng lợi Chương trình phát triển xuất khẩu thủy sản đến năm 2005 của ngành□

BỘ TRƯỞNG GẶP MẶT CÁC CƠ QUAN BÁO CHÍ NHÂN NGÀY BÁO CHÍ VIỆT NAM, 21/6

Nhân ngày Báo chí Việt Nam (21/6), sáng 17/6/1999 Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc gặp mặt thân mật các cơ quan báo chí ở trung ương và Hà Nội.

Tham dự buổi gặp mặt có các đồng chí Thứ trưởng, Chủ tịch CDTSVN, lãnh đạo các cục, vụ, thanh tra và văn phòng... Bộ trưởng đánh giá cao sự đóng góp của báo chí với ngành thủy sản trong thời gian qua. Bộ coi đây là lĩnh vực thông tin không thể thiếu được cho sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Bộ. Bộ cũng mong báo chí có tiếng nói mạnh mẽ hơn nữa góp phần đưa ngành thủy sản phát triển.

Trong buổi gặp mặt nhiều nhà báo nêu lên tình cảm của báo chí với ngành, đề báo chí tiếp cận được các hoạt động phong phú, đa dạng của ngành, ngành cần có sự hỗ trợ tích cực hơn nữa.

Cũng trong buổi gặp mặt Bộ trưởng thông báo về hoạt động của ngành 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ của ngành 6 tháng cuối năm 1999, đặc biệt là 3 chương trình lớn: khai thác hải sản xa bờ, xuất khẩu thủy sản và nuôi trồng thủy sản.

Buổi gặp mặt tương tự cho các cơ quan báo chí thuộc các tỉnh phía Nam được tổ chức và ngày 21/6/1999 tại tp. Hồ Chí Minh.

Cũng trong dịp này Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Hồng, Chủ tịch Công đoàn Thủy sản Việt Nam Nguyễn Việt Thắng và một số cơ quan trong ngành đã đến thăm và chúc mừng Tập chí. Tập chí đã nhận được nhiều thư, điện chúc mừng của nhiều cơ quan trong và ngoài ngành. Thư của Ban Kinh tế TW và Đảng ủy khối cơ quan Kinh tế TW có đoạn viết: "Thời gian qua, nhiên thông tin của các đồng chí đã phục vụ tốt cho công tác nghiên cứu, chỉ đạo của lãnh đạo Ban Kinh tế TW và Đảng ủy khối. Mong rằng thời gian tới chúng ta có sự phối hợp tốt hơn nữa trong việc phát hiện những vấn đề sôi động về kinh tế xã hội của các Bộ, ngành. Tổng công ti và góp phần xây dựng có hiệu quả các chi bộ, đảng bộ trong sạch vững mạnh"□

PV

Nhân ngày Môi trường thế giới 5/6

10 HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở NƯỚC TA TỪ 5/6/1998 ĐẾN 5/6/1999

1. Bộ Chính trị ra Chỉ thị 36-CT/TW ngày 25/6/1998 về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kì công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.
2. Hội nghị môi trường toàn quốc 1998, do Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường phối hợp với Ban Khoa giáo TW, Bộ Giáo dục – Đào tạo, Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam tổ chức tại Hà Nội ngày 5,6/8/1998.
3. Ngày 6/11/1998, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 4 đề án liên ngành triển khai thực hiện Chỉ thị 36-CT/TW của Bộ Chính trị, đó là:
 - Đề án Kiện toàn cơ quan quản lí Nhà nước về bảo vệ môi trường.
 - Đề án Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục quốc dân.
 - Đề án Xử lí triệt để các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm nghiêm trọng.
 - Đề án Xây dựng Nghị định Chính phủ về tăng cường và đa dạng hóa các nguồn vốn bảo vệ môi trường.
4. Đại hội toàn quốc lần thứ III Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam được tổ chức tại Hà Nội ngày 28/11/1998.
5. Hội nghị không chính thức cấp Bộ trưởng Môi trường ASEAN lần thứ IV được tổ chức tại Hà Nội với sự tham gia của 9 đoàn các nước ASEAN và Đoàn Ban thư kí ASEAN, cùng một số quan sát viên của các tổ chức quốc tế như UNEP, ADB, WHO, CIDA...
6. Tăng cường bảo vệ đa dạng sinh học. Tổ chức:
 - Hội thảo đánh giá 3 năm thực hiện Kế hoạch hành động đa dạng sinh học Việt Nam (1996-1998), Hà Nội, 22-23/10/1998.
 - Kỷ niệm Ngày Đa dạng sinh học thế giới 26/12 và triển lãm ảnh về bảo tồn thiên nhiên Việt Nam 1998.
 - Hội thảo lần thứ II về bảo tồn đa dạng sinh học khu vực biên giới Việt – Lào, Khăm Muộn (Lào) 13-16/10/1998.
7. Tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc gia và quốc tế về môi trường:
 - Hội nghị thương mại quốc tế và môi trường, Hà Nội, 9-10/4/1999.
 - Hội thảo giáo dục đào tạo môi trường trước ngưỡng cửa thế kỉ 21, Hà Nội – 5/12/1998.
 - Hội thảo khu vực về quản lí các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POPs), Hà Nội, 16-19/3/1999.
 - Diễn đàn các nhà quản lí về trách nhiệm ngăn ngừa ô nhiễm công nghiệp, Huế, 6/3/1999.
8. Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng:
 - Tổ chức Liên hoan phim môi trường toàn quốc lần thứ I.
 - Đợt tuyên truyền tập trung về môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng.
 - Tổ chức gặp mặt hàng quý với cộng tác viên báo chí về môi trường.
 - Xuất bản Tạp chí Bảo vệ môi trường.
9. Xuất hiện, củng cố nhiều điển hình tiên tiến về phong trào bảo vệ môi trường.
10. Nối mạng máy tính phục vụ khai thác, cung cấp thông tin môi trường nội bộ, quốc gia và quốc tế ☐

NUÔI TRỒNG THỦY SẢN HỢP LÝ TRONG RỪNG NGẬP MẶN

♦ PGS. PTS ĐỖ VĂN KHƯƠNG*

HẬU QUẢ CỦA VIỆC XÂY DỰNG ĐẦM NUÔI TÔM QUẢNG CẠNH ĐẾN HỆ SINH THÁI RỪNG NGẬP MẶN (RNM)

Trước năm 1990, việc phá RNM làm đầm nuôi tôm quảng canh diễn ra khá phổ biến ở các tỉnh ven biển, nhất là ở đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long, gây ra những thiệt hại nghiêm trọng về tài nguyên sinh vật và môi trường, thể hiện ở một số khía cạnh chính sau đây:

Suy giảm tài nguyên đa dạng sinh học

Sự suy giảm tài nguyên đa dạng sinh học diễn ra trong các đầm nuôi tôm quảng canh là kết quả của việc phá RNM “nhốt” tôm trên diện tích rộng làm cho môi trường thoái hóa. Cũng do quá ít cống nên thay được ít nước, môi trường bị ô nhiễm nặng làm suy giảm các sinh vật trong đầm.

Đã có những nghiên cứu cho thấy số lượng sinh vật phù du và sinh vật đáy làm thức ăn cho tôm giảm đáng kể sau 2 năm xây dựng đầm nuôi tôm ở vùng đất bồi phía tây mũi Cà Mau. Ngược lại, các loài tảo lam

thuộc chi *Oscillatoria* phát triển mạnh, khi chết chúng sẽ chìm xuống che phủ mặt đầm tạo thành H_2S và NH_4 gây độc cho các sinh vật trong đầm. Kết quả nghiên cứu của Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản II cũng cho thấy: qua một số năm sử dụng, môi trường của các đầm nuôi tôm quảng canh ở Bến Tre thoái hóa rõ, hàm lượng sinh vật biến đổi theo chiều hướng xấu.

Làm tăng diện tích đất hoang

Việc phá RNM làm đầm nuôi tôm hoặc sản xuất nông nghiệp đã làm tăng diện tích đất hoang. Các đầm nuôi tôm quảng canh tuy đem lại lợi nhuận trong một số năm đầu nhưng sau đó môi trường đất và nước bị ô nhiễm nặng và thoái hóa nhanh làm năng suất giảm, sản xuất không hiệu quả, nhiều nơi phải bỏ hoang.

Theo số liệu của Sở Lâm nghiệp Minh Hải (cũ), từ tháng 4/1993, 86.037 ha RNM bị phá, trong đó hơn 20.000 ha đã trở thành đất hoang. Ở Quảng Ninh, khoảng 5.000 ha RNM bị khoanh đê để sản xuất nông nghiệp nhưng do thiếu nước ngọt, đất bị thoái hóa không trồng được lúa và phần lớn đã trở nên hoang hóa.

*Viện nghiên cứu hải sản

Đẩy nhanh sự bồi lắng, xói lở

RNM là hàng rào bảo vệ đê ven biển, cửa sông. Do phá RNM, mưa bão, sóng lớn đã phá huỷ các đê biển, làm xói lở mạnh vùng ven biển. Đoạn từ Gia Hải đến Văn Lý tỉnh Nam Định, cả một đoạn dài 20 km không còn bãi triều lầy và tiếp tục bị xói lở mạnh. Ở Viên Hải (Trà Vinh) năm 1980 lở 112 ha, năm 1990 lở tới 280 ha. Việc xói lở còn tác động mạnh đến Cầu Ngang (Trà Vinh), Ba Trĩ (Bến Tre), Gò Công Đông (Tiền Giang)...

Gây ô nhiễm đất và nước

Do diện tích đầm lớn, thay nước ít nên môi trường đầm nuôi bị ô nhiễm do sự hình thành H_2S và NH_4 phân huỷ từ xác cây RNM, gây độc cho sinh vật trong đầm.

Trong quá trình xây dựng đầm và thu hoạch, người nuôi để đáy đầm khô cạn, đất bị oxy hóa và biến đổi theo chiều hướng xấu. Tầng pyrit (FeS_2) tiềm tàng trong lớp đất có xác cây RNM do chiếu nước đã chịu tác động của ánh sáng mặt trời và bị oxy hóa mạnh. Tỷ lệ Fe_2O_3/FeO tăng nhanh, đặc biệt ở tầng mặt, kèm theo đó hàm lượng SO_4^{2-} cũng tăng cao. Kết quả là loại đất trung tính, giàu dinh dưỡng đã chuyển sang loại đất axit sulphat vừa chua vừa mặn, không thích hợp với vật nuôi cũng như các sinh vật khác.

Hậu quả của việc nuôi tôm quảng canh đến sự lan truyền dịch bệnh

Ở một số đầm nuôi do chất lượng nước kém nên đã phát sinh bệnh do vi khuẩn và nấm gây ra như bệnh phát sáng, bệnh đốm đen ở vỏ, bệnh phỏng nắp mang, bệnh mềm vỏ... Do thiếu biện pháp hữu hiệu phòng trị bệnh cho tôm, nên bệnh phát triển và lan truyền nhanh, ảnh hưởng lớn đến năng suất.

Việc phá RNM đã tạo điều kiện cho muỗi truyền dịch sốt rét phát triển. Sau khi mất rừng, nước tù đọng, một số loài tảo lam

là thức ăn cho họ gây muỗi sốt rét phát triển, làm cho loài muỗi này sinh sản nhanh. Một năm gần đây bệnh sốt rét lan ra vùng có nhiều đầm nuôi tôm quảng canh như Cầu Giờ (tp. Hồ Chí Minh), Bình Đại (Bến Tre) và Ngọc Hiển (Cà Mau) đe dọa đến tính mạng của nhân dân địa phương.

NUÔI TRỒNG THỦY SẢN HỢP LÍ TRONG RỪNG NGẬP MẶN

Nuôi trồng thủy sản hợp lý trong RNM quyết định đến việc bảo vệ tốt RNM vì vừa giữ được hệ sinh thái RNM, vừa tận dụng được tiềm năng mặt nước và giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân địa phương. Trong 10 năm qua, nhiều mô hình nuôi trồng thủy sản dưới tán RNM, mô hình lán - ngư kết hợp đã mang lại hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ được rừng. Chúng tôi xin giới thiệu tóm tắt một số mô hình đang được áp dụng phổ biến:

- Nuôi nhuyễn thể:

Nuôi ốc mút (*Carithides eingulata*)

Xuất hiện từ năm 1995. Phương pháp nuôi đơn giản, chỉ cần quây lưới quanh một diện tích rừng có nền đất bùn khoảng vài nghìn m^2 , thả giống vào. Sau 4-6 tháng nuôi không cho ăn, khối lượng thu hoạch gấp 3 lần khối lượng lúc thả.

Nuôi sò huyết (*Arca granosa*) và ngao (*Meretrix spp*): Nuôi trên các bãi bùn cát có độ dốc ít, bằng phẳng ở ngay trong rừng hoặc các bãi trước RNM bằng cách quây lưới hoặc phên tre. Phương pháp nuôi đơn giản, không cho ăn nhưng mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Nuôi cua (*Scylla serrata*) bằng lồng:

Xuất hiện từ năm 1990. Lồng bằng tre, kích thước 1,2 m x 2m x 5m, có phao xung quanh để thả chìm 4/5 lồng dưới nước. Có thể nuôi vỏ bèo của thịt hoặc của gạch. Mật độ thả 40-50 con/ m^3 , thức ăn tươi là cá tạp, dòn dất, còng cáy... Sau 20-25 ngày có thể thu hoạch.

- Nuôi tôm hùm bông (*Panulirus ornatus*) bằng lồng:

Mô hình nuôi này được thực hiện nhiều ở Cần Giờ (tp. Hồ Chí Minh). Tương tự như nuôi cua lông, mật độ thả 50 con/lồng có nước, thức ăn là các loài sinh vật biển có sẵn tại địa phương. Mùa nuôi chính từ tháng 7 đến tháng 2 năm sau. Lồng nuôi được tập trung ở bìa RNM phía biển.

- Nuôi cá song mỡ (*Epinephelus tauvina*) trong ao:

RNM được giữ trong ao với qui mô nhỏ. Diện tích ao 200m², nuôi 30 - 40 con, khối lượng ban đầu 200-300g/con, thức ăn tươi là tôm cá tạp, cho ăn không đều. Nuôi 5-6 tháng, khối lượng cá thu hoạch đạt 600-700 g/con.

- Nuôi tôm trong ao:

Ngư dân đắp ao nhỏ (500-2.000m²) ở vùng RNM, thả tôm giống cỡ 3-5 cm với mật độ 5 con/m², cho ăn bằng thức ăn tươi có tại chỗ. Ở đồng bằng sông Cửu Long có thể nuôi 2 vụ/năm, năng suất trung bình 800-1.200kg/ha/vụ. Đây là loại hình nuôi tôm dưới tán RNM mà không gây tác hại nhiều đến RNM nếu có qui hoạch cụ thể.

Có 3 mô hình lâm - ngư kết hợp đã được đầu tư xây dựng và áp dụng có kết quả:



Máy sục khí, sản phẩm của Công ty Tư vấn đầu tư và thiết kế thủy sản

- Mô hình ao nuôi có RNM

Huyện Ngọc Hiển (Cà Mau) và một số huyện của Bến Tre đã mạnh dạn đầu tư xây dựng mô hình lâm - ngư kết hợp trong khu rừng đước (*Rhizophora apiculata*) và vẹt (*Bruquiera spp.*).

Nguyên lí của mô hình này là điều tiết nước đảm bảo điều kiện sống tự nhiên của RNM, ngập bãi triều khi nước lớn, lộ bãi khi nước dừng, tôm cá có mặt thoáng và mực nước sâu 50-60cm để trú và sinh sống. Điều tiết nước qua hệ thống cống và mương đào, đảm bảo khi nước lớn thì lưu lượng nước đủ ngập rừng, khi nước ròng rút khỏi mặt rừng còn giữ lại trong mương cách mặt rừng 50cm. Nên có hệ thống kênh rạch cấp nước và thải nước riêng biệt để tránh ô nhiễm. Tỷ lệ diện tích đầm nuôi và RNM là 1/4, trong những trường hợp đặc biệt tỉ lệ diện tích nuôi không quá 30%, diện tích rừng là 70%. Đối tượng nuôi chính là tôm sú (*Penaeus monodon*) và tôm he (*P. merguensis*). Hình thức nuôi chủ yếu là quảng canh cải tiến.

- Mô hình trang trại nuôi trồng thủy sản hợp lí trong RNM

Chọn diện tích thích hợp để xây dựng trang trại với qui mô như sau:

+ Diện tích: 10 ha rừng do 1 hộ gia đình quản lí.

+ Ao nuôi tôm bán thâm canh hoặc thâm canh: 4 hoặc 2 ao = 2 ha

+ Ao trồng rong câu, nuôi cá kết hợp xử lí nước thải: 7.000m².

+ Ao xử lí nước : 3.000m².

+ Diện tích trồng rừng kết hợp nuôi cua bằng chần lưới hoặc lồng: 7 ha.

Thực tế đây là mô hình nuôi trong hệ kín được xây dựng ở vùng RNM với tỉ lệ diện tích nuôi trồng và diện tích rừng là 3/7.

(Xem tiếp trang 17)

SẢN XUẤT GIỐNG MỘT SỐ LOÀI CÁ NUÔI Ở CÁC TỈNH MIỀN NÚI TÂY BẮC

THẠC SỸ NGUYỄN HUY ĐIỀN*

1. KỸ THUẬT NUÔI VỖ CÁ BỐ MẸ

1.1. Chọn cá bố mẹ

Có thể tuyển chọn từ cá nuôi ở ao, sông hồ, hồ chứa vào mùa thu và mùa đông vì nhiệt độ thấp sẽ thuận lợi cho việc vận

chuyển. Tốt nhất là chọn cá bố mẹ được nuôi dưỡng ngay từ giai đoạn cá giống.

Cá phải có ngoại hình cân đối, khỏe mạnh, không dị hình và bệnh tật, có tuổi thành thục và cỡ như sau:

Loài	Cá cái		Cá đực	
	Tuổi	Cỡ,kg	Tuổi	Cỡ, kg
Mè trắng	3-5	1-4	2-6	0,8-4
Mè hoa, trắm cỏ	3-6	3-8	3-8	3-10
Mrigal, rô hu, chép	2-6	1-5	2-8	1-5
Rô phi	6 tháng	0,3	6 tháng	0,3

Cá bố mẹ thành thục lần đầu nuôi vỗ dễ, tỉ lệ thành thục và đẻ cao nhưng chất lượng cá bột kém. Cá già tuổi và cỡ lớn có kích thước trứng lớn, sức sinh sản lớn, chất lượng cá bột tốt nhưng nuôi vỗ đạt tỉ lệ và hệ số thành thục thấp, cho đẻ khó. Vì vậy, tuổi và cỡ cá bố mẹ ảnh hưởng rất lớn đến kết quả đẻ của cá, chất lượng trứng, cá bột và hiệu quả kinh tế.

1.2. Ao nuôi vỗ

Chọn ao gần nguồn nước tốt (nước trong, không độc hại và kí sinh trùng gây bệnh) cấp và tiêu nước thuận lợi, giao thông dễ dàng trong trại, gần khu vực sinh sản nhân tạo. Phơi nắng ao tạo điều kiện phát triển thức ăn tự nhiên và kích thích sự phát dục của cá.

Diện tích ao từ 1.000 - 4.000m², riêng với cá mrigal, rô hu, chép, từ 1.000 - 2.000m², có dạng hình chữ nhật, tỉ lệ dài/rộng là 3/1 hoặc 2/1, độ sâu 1,2 - 2m,

lớp bùn dày 20 - 30cm.

Dọn tẩy ao sạch sẽ trước khi nuôi vỗ. Tát cạn ao, vét lớp bùn đáy chỉ để dày 20 - 30cm. San phẳng đáy ao, dọn sạch cỏ rác xung quanh và tu sửa bờ ao. Dùng 8-10 kg vôi bột/100 m² ao để tẩy ao. Sau đó phơi nắng đáy ao, riêng ở vùng đất chua không nên phơi đáy.

Với ao nuôi vỗ cá mè trắng, mè hoa và cá trôi phải bón phân gây thức ăn tự nhiên cho cá với lượng 30-40 kg phân chuồng, 30-50kg phân xanh/100m²ao. Bón phân xanh thành từng bó để ở góc ao, lấy nước vào ao ngập 0,5m, sau 6-8 ngày tăng nước trong ao đến độ qui định. Khi lấy nước phải lọc cẩn thận để ngăn chặn sự xâm nhập của cá tạp. Sau đó thả cá bố mẹ vào ao.

1.3. Thả cá và chăm sóc

Khi thả cá bố mẹ phải phân loại theo trọng lượng, tuổi và giới tính để tiện quản lí

* Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I

và chăm sóc, giúp cá phát dục đồng đều hơn. Để tận dụng thức ăn thừa trong ao và góp phần cải tạo môi trường ao, thường thả

ghép một lượng nhỏ các loài cá khác cùng với đối tượng nuôi chủ yếu như sau: (đơn vị: kg/100m²).

Loài nuôi chính		Loài thả ghép			Tổng số
Loài	Mật độ	Mè trắng	Mè hoa	Mrigal, rô hu	
Trắm cỏ	30	5	5	-	40
Mè trắng	25	-	5	5	40
Mrigal, rô hu	30	5	3	-	35-40
Chép	20	3	2	-	25

Với từng đối tượng nuôi, cách quản lí chăm sóc có khác nhau.

a/ Cá trắm cỏ:

Là loài ăn thức ăn trực tiếp, thích sống ở nơi nước trong sạch, vì vậy nên nuôi ở ao có diện tích lớn, thuận tiện thay nước. Chăm sóc cá theo 3 giai đoạn:

- Trước khi nuôi vỗ: Nhằm tạo điều kiện cho cá bố mẹ có tuyến sinh dục chuyển về giai đoạn IIc. Thời gian nuôi từ sau khi đẻ đến 30/9 hàng năm. Ở giai đoạn này, hạ thấp mức nước ao còn 0,7-0,8m, thường xuyên thay nước, tạo dòng chảy trong ao, hoàn toàn không cho ăn thức ăn tinh, cho ăn thức ăn xanh với lượng bằng 5% trọng lượng thân. Đến cuối giai đoạn, kiểm tra tuyến sinh dục đã chuyển về giai đoạn IIc là đạt yêu cầu, nếu chưa đạt có thể tiêm kích dục tố LRH-A cho cá cái với liều lượng 2-3mg/kg cá cái.

- Nuôi vỗ tích cực: Nhằm tạo điều kiện cho cá tích lũy nhiều vật chất dinh dưỡng để xây dựng và phát triển tuyến sinh dục. Thời gian nuôi từ 1/10 đến 30/11 hàng năm. Cho ăn hàng ngày thức ăn tinh với lượng bằng 2-3% trọng lượng thân (gồm các loại đậu tương, thóc mầm, cám gạo, bã đậu), thức ăn xanh với lượng bằng 25-30% trọng lượng thân, theo chế độ 4 định: vị trí, số

lượng, chất lượng và thời gian. Đến cuối giai đoạn, kiểm tra độ béo của cá đạt ball IV là đạt yêu cầu, nếu cá còn gầy phải nuôi tích cực thêm 10-15 ngày hoàn toàn bằng thức ăn tinh là thóc mầm.

- Nuôi vỗ thành thực: Nhằm tạo điều kiện để chuyển hóa vật chất tích lũy của cơ thể thành sản phẩm của tuyến sinh dục. Thời gian nuôi từ ngày 1/12 đến cuối tháng 2, đầu tháng 3 năm sau. Ở giai đoạn này, ngừng cho ăn thức ăn tinh, chủ yếu cho ăn thức ăn xanh với lượng bằng 25-30% trọng lượng thân. Tăng cường thay nước (tạo lưu tốc dòng chảy vào ao 0,2-0,3m/s) 3-4 lần/tháng, mỗi lần 3-5 giờ. Đến cuối giai đoạn cần kiểm tra mức độ thành thực của tuyến sinh dục để xác định ngày cho cá đẻ.

b/ Cá mè trắng:

- Trước khi nuôi vỗ: Từ sau khi kết thúc mùa cá đẻ đến 30/8 hàng năm. Ở giai đoạn này, phải hạ thấp mức nước ao còn 0,7 - 0,8m, thỉnh thoảng thay nước. Đến cuối giai đoạn kiểm tra cá cái còn trứng thì tiêm HCG với liều lượng 200UI/kg cá cái.

- Nuôi vỗ tích cực: Từ 1/9 đến 30/12 hàng năm. Ở giai đoạn này, phải đảm bảo thức ăn, bón phân và điều chỉnh màu nước luôn có độ béo trung bình để tạo điều kiện phát triển thực vật phù du để tiêu làm thức

ăn cho cá.

Chế độ bón phân như sau: Phân đạm/lân theo tỉ lệ 2/1, 1 lần/tuần từ 1-2 kg/100m². Phân xanh bón từ 10 - 20 kg/100m²/tuần. Phân chuồng từ 5 - 10 kg/100m²/tuần. Tùy điều kiện cụ thể của ao, chất lượng phân, nhiệt độ môi trường mà tăng giảm cho phù hợp để giữ ao có độ béo trung bình.

- Nuôi vỗ thành thực: Từ 1/1 đến cuối tháng 3 năm sau. Ở giai đoạn này, giảm 1/2 lượng phân bón so với giai đoạn trước. Trọng tâm là kích thích nước cho cá, 1-2 lần/tuần, mỗi lần 2-3 giờ. Cuối tháng 3 kiểm tra xác định ngày cho cá đẻ.

c/ Cá mè hoa:

Cách quản lí và chăm sóc như mè trắng. Trong thực tế, nuôi vỗ cá mè hoa ghép với các loài cá khác trong ao, cá mè hoa vẫn phát dục tốt và sinh sản bình thường.

d/ Cá mrigal và rô hu:

Chăm sóc cá theo 2 giai đoạn, vì vào mùa đông tuyến sinh dục hoàn toàn chuyển về giai đoạn IIc.

- Nuôi vỗ tích cực: Thời gian từ tháng 10 năm trước đến tháng 1 năm sau. Cho ăn thức ăn tinh hàng ngày với lượng bằng 2-3% trọng lượng thân, ngoài ra bón thêm 30-40 phân chuồng/100m²/tuần và phân xanh.

- Nuôi vỗ thành thực: Từ tháng 1, tháng 2 đến đầu tháng 4. Giảm lượng thức ăn tinh, chỉ cho ăn hàng ngày với lượng bằng 1-1,5% trọng lượng thân. Giảm lượng phân chuồng còn 20-25 kg/100m²/tuần. Ở giai đoạn này, thường xuyên thay nước trong ao để tạo điều kiện cho cá chuyển hóa tuyến sinh dục tốt hơn và dễ đẻ hơn. Đầu tháng 4 kiểm tra xác định ngày cho cá đẻ.

e/ Cá chép:

Cá chép có tốc độ phát triển tuyến sinh dục nhanh, dễ thành thực và có thể đẻ

tự nhiên trong ao, vì vậy phải nuôi vỗ riêng cá dục và cá cái, hoặc có thể nuôi chung nhưng khi chuẩn bị thành thực phải tách riêng.

- Nuôi vỗ tích cực: Từ cuối tháng 10 đến tháng 12. Hàng ngày cho ăn thức ăn tinh (cám gạo, đậu tương, thóc mầm) với lượng bằng 1-3% trọng lượng cá. Trong suốt thời kỳ nuôi vỗ, kết hợp bón 20-30kg phân chuồng/100m²/tuần.

- Nuôi vỗ thành thực: Từ tháng 11 đến tháng 2. Giảm lượng thức ăn tinh còn 1% trọng lượng thân, chủ yếu là thóc mầm. Bón 15 - 20kg phân chuồng/100m²/tuần.

Khi nuôi vỗ cá chép không cần thiết phải cấp nước tạo dòng chảy, chỉ thêm nước vào ao trong những ngày trời rét.

2. KỸ THUẬT CHO ĐẸ

2.1. Chọn cá cho đẻ

Đàn cá bố mẹ thường phát dục không đều nên phải chọn cẩn thận trước khi cho cá đẻ.

- Chọn cá cái: Cá có bụng to, tương đối mềm, lỗ sinh dục nở to, màu phớt hồng. Dùng cho cá ăn trước khi cho đẻ 2-3 ngày. Ngoài ra, cần lấy trứng để kiểm tra. Trứng đã thành thực tốt có kích thước lớn và đồng đều, căng tròn, bóng và rời nhau.

- Chọn cá đực: Vuốt nhẹ lườn bụng cá ở gần hậu môn thấy tinh dịch đặc màu trắng sữa chảy ra, cho vào nước tan toả nhanh chứng tỏ cá thành thực tốt.

2.2. Liều tiêm kích dục tố

Hiện nay có nhiều loại kích dục tố để tiêm cho cá: não thủy thể của họ cá Chép, HCG (Human Chorionic Gonadotrophin) và LRH-A (Luteinizing Release Hormone-analogue).

Liều tiêm não thủy thể cá chép (cá cỡ 1-1,5kg, não thủy được làm khô sau khi xử lí axeton có trọng lượng 2mg) cho các loài như sau (mg/kg cá cái):

Loài	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình
Cá mè trắng	6,0	2,0	5,0
Cá trắm cỏ	5,0	2,0	4,5
Cá rôhu, mrigal	6,5	2,5	5,5
Cá mè hoa	6,0	2,0	5,5

Liều tiêm cho cá đực bằng 1/2 liều tiêm cho cá cái. Nếu dùng năo cá mè, tăng liều từ 50 - 100% so với liều trên.

HCG chỉ có hiệu quả đối với cá mè trắng và cá mè hoa, với liều tiêm 1000 - 1200 UI/kg cá đực.

Dùng LRH - A kết hợp với một lượng nhỏ DOM (Domperidone) có hiệu quả tốt với tất cả các loài cá, trừ cá chép và cá trôi. Liều tiêm cho các loài từ 15 - 20µg LRH - A cùng với 2 - 3mg DOM/kg cá cái, liều tiêm cá đực bằng 1/2 liều tiêm cá cái.

3. KỸ THUẬT ẤP TRỨNG CÁ

Ấp trứng cá trong bể vòng: Với trứng cá rôhu, mrigal có thể ấp 1,2 - 1,5 triệu trứng/1m³ bể; với trứng cá trắm, cá mè ấp 0,8 - 1 triệu trứng/1m³ bể. Để nâng cao năng suất ấp, cần:

- Điều chỉnh lưu tốc nước trong bể để trứng có thể đảo đều và đủ lượng oxy hoà tan (lưu tốc nước 0,15 - 0,2m/s). Khi cá mới nở, do khả năng bơi còn kém nên dễ bị lắng đọng ở đáy bể, vì vậy phải tăng lưu tốc lên 0,2 - 0,3m/s.

- Nguồn nước cấp phải trong sạch, có nhiệt độ ổn định và thích hợp từ 23 - 31°C, không nhiễm các loại khí độc như H₂S, CH₄.... pH luôn đảm bảo trung tính. Nước cấp vào bể phải có màng lọc ngăn động vật phù du và tôm cá nhỏ xâm nhập vào.

- Thường xuyên làm vệ sinh mạng tràn của bể ấp và màng lọc phù du ở bể cấp nước.

Cá sau khi nở trong bể 3 - 4 ngày có thể cho ăn bổ sung lòng đỏ trứng gà mỗi lần 1 lòng đỏ trứng gà cho 50 vạn cá bột, ngày

cho ăn 2 lần. Cá bột được 4 - 5 ngày có thể chuyển ra ao để ương thành cá hương□

NUÔI TRỒNG THỦY SẢN HỢP LÝ TRONG RỪNG NGẬP MẶN...

(tiếp trang 13)

Ao nuôi tôm được đắp nổi ở nơi có độ cao hơn mức trung bình của đầm, không đào lấy đất trong ao. Mương cấp và thải nước đối diện nhau. Cần có máy bơm để cấp nước bổ sung cho ao nuôi tôm. Nước từ ao nuôi tôm qua ao trồng rong câu sang ao xử lý nước bằng hóa chất rồi bơm bổ sung vào ao nuôi tôm.

Đối tượng nuôi là tôm sú (*Penaeus monodon*), mật độ thả 10-12 con/m² (cỡ giống 3-4 cm). Sau 4 tháng nuôi (ở miền Bắc từ tháng 3 đến tháng 7) đạt năng suất 1000-1500kg/ha/vụ, năng suất rong câu 2500-3000kg khô/ha/năm. Sản phẩm phụ là cua, cá, nhuyễn thể.

- Mô hình nuôi tôm trong hệ kín ở vùng cao triều:

Mô hình này nên triển khai ở vùng cao triều sau RNM hoặc trong khu vực đê biển. Diện tích sử dụng 2ha, trong đó 1 ha ao nuôi tôm, 0,5 ha ao trồng rong câu và 0,3 - 0,5 ha ao xử lý nước. Độ sâu mực nước ao nuôi tôm là 1,2m; đối tượng nuôi là tôm sú (*Penaeus monodon*), mật độ thả 10-12 con/m² (cỡ 3-4cm); thời gian nuôi: 4 tháng, năng suất tôm đạt 1000-1500 kg/ha/vụ, rong câu đạt 3000kg khô/ha/năm □

Bến Tre là một tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, có 4 cửa sông lớn thông ra Biển Đông: Cửa Đại, Ba Lai, Hàm Luông và Cổ Chiên, cùng hệ thống sông rạch có mặt nước nội thủy rất lớn, tạo ra môi trường sống thích hợp cho nhiều đối tượng thủy sản phát triển.

Ngoài việc đánh bắt các loại thủy sản tự nhiên, người dân Bến Tre đã nuôi các loài thủy sản như tôm cá nước ngọt, nước lợ, nước mặn và nhiều loại thủy đặc sản khác như sò huyết, nghêu, cua, lươn, ếch, v.v... Trong năm 1998, toàn tỉnh Bến Tre đã có trên 30.000 ha diện tích mặt nước được sử dụng để nuôi thủy sản, trong đó nuôi tôm 21.957 ha, nuôi cá 2.712 ha, nuôi nghêu 2.480 ha, nuôi sò huyết 311 ha và nuôi cua 2.712 ha... Theo qui hoạch của tỉnh, đến năm 2010 diện tích nuôi thủy sản sẽ là 50.543 ha. Qui hoạch này được chia ra từng giai đoạn 1996 - 2000; 2005 - 2010 với nhiều dự án cụ thể, trong đó chủ yếu là xây dựng hệ thống, thủy lợi, tạo môi trường thông thoáng cho nuôi tôm theo hướng bền vững. Cho đến nay đã có 4.411 ha diện tích nuôi đã được xây dựng hệ thống thủy lợi.

Nhìn chung, việc nuôi tôm xuất khẩu ở Bến Tre hiện nay đã được tỉnh thật sự quan tâm và các huyện cũng đã có đầu tư xác đáng. Trong đó, con giống, công nghệ nuôi đã được chú trọng đặc biệt. Cùng với nguồn giống tự nhiên rất dồi dào, hiện nay tỉnh đã có 5 trại sản xuất tôm giống (4 trại sản xuất tôm sú và 01 trại sản xuất tôm càng xanh). Với công suất sản xuất như hiện nay hàng năm mới sản xuất khoảng 50 triệu tôm giống, đáp ứng chưa tới 15% nhu cầu giống nuôi. Tỉnh đang dự kiến đầu tư xây dựng thêm nhiều trại sản xuất con giống để cung cấp cho người nuôi, vì qua thực tế kiểm chứng

NUÔI TÔM XUẤT KHẨU Ở BẾN TRE TIỀM NĂNG VÀ GIẢI PHÁP

cho thấy tôm giống sản xuất trong tỉnh thường tốt và an toàn hơn tôm nhập trôi nổi từ nhiều nơi về.

Từ các số liệu trên cho thấy, nghề nuôi tôm xuất khẩu ở Bến Tre đang có một tiềm năng rất to lớn và có những thuận lợi rất cơ bản, có khả năng giải quyết lao động cho hàng chục ngàn người (hiện nay là 17.800 người, kể cả lao động thời vụ, lao động trực tiếp và lao động dịch vụ phục vụ người nuôi) và đem lại nguồn thu nhập to lớn cho xã hội, góp phần phát triển kinh tế và làm thay đổi bộ mặt văn hóa ở nông thôn vùng biển hiện nay.

Để giải quyết đầu ra cho người nuôi tôm, hiện tỉnh đã có 4 nhà máy chế biến, đông lạnh thủy sản xuất khẩu là: Đông lạnh 22, Đông lạnh 84, Đông lạnh Ba Tri và Đông lạnh Bình Đại với tổng công suất một năm lên tới 6.330 tấn và sản phẩm của các nhà máy này đã được xuất sang nhiều nước thuộc châu Á, châu Âu và châu Mỹ.

Theo định hướng phát triển xuất khẩu thủy sản của tỉnh Bến Tre năm 2000 - 2005, các sản phẩm tôm sẽ chiếm vị trí chủ lực. Đến năm 2000 sẽ xuất khẩu 3.380 tấn sản phẩm tôm, trị giá khoảng 22.600.000 USD; năm 2005 xuất khẩu 4.500 tấn sản phẩm tôm, trị giá khoảng 37.000.000 USD. Và để đảm bảo có đủ nguồn nguyên liệu, đến năm 2000 diện tích nuôi tôm công nghiệp phải có 20ha, nuôi bán công nghiệp 1.200 ha, nuôi quảng canh cải tiến 18.100 ha. Ngoài ra, còn áp dụng hình thức nuôi xen (nuôi tôm trong

mương vườn dừa) và nuôi tôm kết hợp (nuôi 1 vụ tôm, 1 vụ lúa) và nuôi tôm trong vùng ngập mặn. Trong đó nuôi tôm trong ruộng lúa được đặc biệt chú trọng vì đây là hình thức nuôi đạt hiệu quả cao và tạo tính bền vững cho môi trường sinh thái. Tổng diện tích nuôi tôm theo hình thức này vào năm 2000 là 14.531 ha, vào năm 2005 là 14.950 ha.

Tuy nhiên, bên cạnh đó còn một số vấn đề cần được quan tâm. Muốn mang lại hiệu quả cao, nghề nuôi tôm đòi hỏi kĩ thuật cao và như vậy cũng có nghĩa là phải đầu tư vốn rất lớn, nhất là nuôi công nghiệp. Hiện tại số hộ nuôi tôm ở Bến Tre rất đông, nhưng số hộ đủ vốn để đầu tư không nhiều, còn nhiều hộ chỉ đủ vốn làm ao, mua con giống nhưng không có tiền đầu tư mua thuốc, hóa chất xử lí ao nuôi và cũng không có tiền đầu tư thức ăn công nghiệp.

Để có vốn đầu tư, phải qua vay ngân hàng với hình thức thế chấp quyền sử dụng

đất. Chưa nói đến tình trạng hiện nay ở Bến Tre giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp chưa đồng đều, người có người không; chỉ nói đến thực tế đất nuôi tôm phần lớn là ở vùng đất ngập mặn, cấy lúa mỗi năm 1 vụ đang được xếp loại đất nông nghiệp hạng 6, giá trị định ra rất thấp, cho nên có thể chấp thì vốn vay cũng không được bao nhiêu. Còn việc gần đây có chủ trương, người nông dân chỉ cần có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ được vay 10 triệu đồng, thực tế thực hiện còn rất nhiều khó khăn. Nên chăng cần có qui hoạch vùng nuôi cụ thể, qua đó chuyển loại đất nông nghiệp hạng 6 thành đất nuôi trồng thủy sản, định giá phù hợp hoặc sớm thành lập những hình thức hợp tác thích hợp để qua đó người nuôi tôm được đầu tư vốn phù hợp □

TRƯƠNG VĂN LỰC

NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA NGÀNH CẦN TRIỂN KHAI TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 1999

Sáu tháng đầu năm 1999 mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng toàn ngành đã có nhiều cố gắng thực hiện chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao, ước đạt:

Tổng sản lượng 882.870 tấn đạt 49,05% so kế hoạch năm, bằng 115,49% so cùng kỳ năm 1998. Trong đó hải sản 607.870 tấn, tương ứng 50,66% và 115,97%; thủy sản nội địa 275.000 tấn, tương ứng 45,83% và 114,44%.

Xuất khẩu thủy sản 410,3 triệu USD đạt 43,19% kế hoạch năm và bằng 107,96% so cùng kỳ năm 1998. Trong đó tôm đông, mực đông chưa bằng cùng kỳ năm 1998 nhưng cá các loại, mực khô và thủy sản khác vượt từ 10,16 - 46,6%.

Đầu tư xây dựng cơ bản đạt thấp, vốn do Bộ quản lí đạt 20,52% kế hoạch năm, vốn thuộc chương trình 773 đạt 30% kế hoạch năm...

Nhiệm vụ còn lại 6 tháng cuối năm rất nặng nề, đặc biệt chỉ tiêu về xuất khẩu thủy sản, nuôi trồng thủy sản và đầu tư xây dựng cơ bản. Để hoàn thành thắng lợi kế hoạch năm, toàn ngành cần tập trung thực hiện tốt 6 nhiệm vụ trọng tâm: Tiếp tục đẩy mạnh chương trình đánh bắt hải sản xa bờ, triển khai chương trình xuất khẩu thủy sản, nuôi trồng thủy sản tạo nguyên liệu, rà soát đầu tư và xây dựng cơ bản, tăng cường các biện pháp phòng chống bão lụt và bảo đảm an toàn cho người và phương tiện nghề cá hoạt động trên biển, và xây dựng kế hoạch năm 2000 □

BẢN TUYÊN BỐ RÔMA

VỀ THỰC HIỆN QUI CHUẨN ỨNG XỬ CỦA NGHỀ CÁ CÓ TRÁCH NHIỆM

(Được thông qua tại Hội nghị cấp Bộ trưởng Thủy sản của FAO,
Rôma, ngày 10-11/3/1999)

1. Nhận lời mời của Tổng giám đốc FAO, các Bộ trưởng nghề cá đã gặp nhau tại Rôma trong ngày 10,11/3/1999 để bàn việc thực hiện Qui chuẩn ứng xử của nghề cá có trách nhiệm đã được thông qua tại Hội nghị lần thứ 28 của FAO vào tháng 10/1995. Về lĩnh vực này, Hội nghị cấp Bộ trưởng đánh giá cao vai trò của FAO trong việc thúc đẩy áp dụng Qui chuẩn, tăng cường chấp nhận và thực hiện rộng rãi Qui chuẩn này tại các quốc gia và các tổ chức có liên quan.

2. Hội nghị cấp Bộ trưởng nhấn mạnh rằng thành tựu quản lý khai thác và nuôi trồng thủy sản bền vững có tầm quan trọng lớn đối với an ninh lương thực toàn cầu, đối với việc đạt được các mục tiêu kinh tế xã hội của quốc gia cũng như phúc lợi cho cá nhân và cộng đồng nghề cá. Hội nghị lưu ý rằng nhiều ngư trường lớn của thế giới đã bị khai thác quá mức, bị phá hủy và lãng phí dẫn tới giảm sút sản lượng và hiệu quả kinh tế. Đồng thời cũng xảy ra việc gia tăng đánh bắt bất hợp pháp, không theo kế hoạch và không báo cáo kể cả có những tàu cá "mang những lá cờ tùy tiện". Liên quan đến vấn đề này, Hội nghị lưu ý rằng trong khi đang nỗ lực thực hiện Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển nhưng mới chỉ có một số ít quốc gia phê chuẩn Hiệp định xúc tiến thực hiện các biện pháp quản lý và bảo tồn quốc tế đối với các tàu cá tại vùng biển khơi, và Hiệp định của Liên Hợp Quốc về bảo tồn và quản lý các ngư trường chung và các đàn cá di cư.

3. Hội nghị cấp Bộ trưởng ghi nhận tầm quan trọng ngày càng lớn của nuôi trồng thủy sản có chú trọng bảo vệ môi trường, đó là nguồn cung cấp thực phẩm cho người tiêu dùng và là lĩnh vực được chú trọng ưu tiên đối với an ninh lương thực, thu nhập và phát triển nông thôn.

4. Hội nghị cấp Bộ trưởng hoan nghênh Ủy ban Nghề cá của FAO, tại phiên họp thứ 23 vào tháng 2/1999 đã thông qua Kế hoạch hành động quốc tế trong khuôn khổ của Qui chuẩn nhằm quản lý năng lực đánh bắt, bảo tồn và quản lý cá mập và nhằm giảm bớt đánh bắt chim biển một cách ngẫu nhiên khi sử dụng câu vàng.

5. Hội nghị ghi nhận việc thực hiện hoàn toàn Qui chuẩn và Kế hoạch hành động quốc tế đòi hỏi có các nguồn lực đáng kể và không dễ dàng nhanh chóng đạt được nếu không đưa ra các biện pháp có tính thuyết phục. Nhiều quốc gia đã yêu cầu tiếp tục được hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính thông qua hợp tác đa phương và/hoặc song phương và thông qua FAO nhằm áp dụng Qui chuẩn và Kế hoạch hành động quốc tế.

6. Hội nghị cấp Bộ trưởng lưu ý các khía cạnh thương mại và môi trường liên quan đến khai thác và nuôi trồng thủy sản cần được đề cập trong khuôn khổ Qui chuẩn.

7. Hội nghị cấp Bộ trưởng nhấn mạnh vai trò quan trọng của các tổ chức quản lý nghề cá khu vực trong việc thực hiện Qui chuẩn.

8. Hội nghị cấp Bộ trưởng chú ý tới tầm quan trọng ngày càng tăng của lĩnh vực câu cá giải trí và nhấn mạnh yêu cầu tuân theo phương thức bền vững và phù hợp với Qui chuẩn.

9. Hội nghị cấp Bộ trưởng lưu ý tới việc tiếp tục phát triển một số điều khoản trong Qui chuẩn như thực hành sau thu hoạch, cải tiến đánh bắt, thương mại có trách nhiệm và thúc đẩy việc nghiên cứu.

10. Hội nghị cấp Bộ trưởng nhắc lại tầm quan trọng của Bản Tuyên bố Rôma về an ninh lương thực và

Kế hoạch hành động thượng đỉnh về lương thực toàn cầu đã được thông qua tháng 11/1996, đó là những cơ sở để soạn thảo Khuôn khổ chiến lược của FAO năm 2000-2015.

1.1 Trong phần kết luận, Hội nghị cấp Bộ trưởng đã thông qua những điều sau đây trong Bản tuyên bố về việc thực hiện Qui chuẩn: Chúng tôi, các Bộ trưởng và đại diện các Bộ trưởng tại cuộc họp ngày 10 và 11/3 tại Rôma, tuyên bố rằng, chúng tôi sẽ không làm tổn hại tới quyền lợi và nghĩa vụ của các quốc gia theo luật pháp quốc tế.

a. *Khẳng định* rằng FAO và các cơ quan của FAO có sự đóng góp thiết thực cho việc quản lý và thiết lập nghề cá quốc tế cùng với các cơ quan quản lý nghề cá khu vực, là những cơ quan phù hợp nhất cho việc thảo luận chính sách về các vấn đề kỹ thuật nghề cá, kêu gọi Tổ chức phân bổ ưu tiên cao hơn và tăng cường hơn nữa phần của các chương trình hoạt động thủy sản trong các nguồn chương trình thường xuyên của FAO;

b. *Nhấn mạnh* tiếp tục dành ưu tiên cao cho việc thực hiện Bản Tuyên bố Rôma về an ninh lương thực và Kế hoạch hành động thượng đỉnh về lương thực toàn cầu;

c. *Tán thành* ưu tiên cao nhất để đạt được thành tựu khai thác và nuôi trồng thủy sản bền vững trong khuôn khổ tiếp cận hệ sinh thái, chú ý tới các hoàn cảnh đặc biệt và nhu cầu của các nước đang phát triển, và đặc biệt là các quốc đảo nhỏ bé;

d. *Liên kết* với các quốc gia, các tổ chức liên chính phủ, phi chính phủ và các tổ chức tài chính nhằm thúc đẩy thực hiện có hiệu quả Qui chuẩn;

e. *Khuyến khích* FAO tiếp tục phát triển các hướng dẫn kỹ thuật trên các khía cạnh khác nhau của Qui chuẩn nhằm hỗ trợ thực hiện tại các quốc gia;

f. *Kèm thêm* ưu tiên cao cho việc thực hiện các Kế hoạch quốc tế nhằm quản lý năng lực đánh bắt, bảo tồn và quản lý cá mập và nhằm giảm bớt xâm hại ngẫu nhiên chim biển trong nghề câu văng; đưa vào khuôn khổ các kế hoạch quốc gia các biện pháp để đạt cân bằng giữa năng lực thu hoạch và nguồn lợi;

g. *Yêu cầu* FAO tiếp tục nỗ lực tăng cường chức năng và trách nhiệm của các tổ chức nghề cá khu vực của FAO và hợp tác với các cơ quan quản lý nghề cá khác của khu vực nhằm thực hiện hữu hiệu Qui chuẩn;

h. *Tiến hành* các bước cần thiết trên cơ sở ưu tiên phê chuẩn hoặc thực hiện Hiệp định xúc tiến thực hiện các biện pháp quản lý và bảo tồn quốc tế đối với các tàu cá viễn dương và Hiệp định của Liên Hợp Quốc về bảo tồn và quản lý các ngư trường chung và các dân cá di cư để chúng có hiệu lực;

i. *Thúc giục* FAO giúp đỡ các nước đang phát triển thực hiện Qui chuẩn và mời các cơ quan tài trợ tăng cường giúp đỡ về kỹ thuật và tài chính;

j. *Phát triển* một kế hoạch hành động toàn cầu để đối phó hữu hiệu với tất cả các dạng đánh bắt bất hợp pháp, không theo kế hoạch và không có báo cáo, kể cả các tàu cá "mang những lá cờ tùy tiện" thông qua sự nỗ lực điều phối của các quốc gia, FAO, các cơ quan quản lý nghề cá khu vực và các cơ quan có liên quan khác đã được nêu trong điều IV của Qui chuẩn như Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO);

k. *Đề cập* các khía cạnh của thương mại và môi trường liên quan tới khai thác và nuôi trồng thủy sản trong khuôn khổ của Qui chuẩn;

l. *Kêu gọi* tất cả mọi người sử dụng nguồn lợi thủy sản thực hiện Qui chuẩn;

m. *Khuyến khích* FAO tiếp tục nhấn mạnh trong Khuôn khổ Chiến lược 2000-2015 về các đối tác và quan hệ liên ngành như một phần nỗ lực của FAO để xây dựng các lợi thế so sánh;

n. *Cùng cộng tác*, thông qua FAO và quan hệ với các tổ chức có liên quan tới nghề cá để tìm kiếm việc sử dụng tối ưu và bền vững các nguồn lợi thủy sản của thế giới nhằm giảm bớt lãng phí và sự hủy hoại qua việc thúc đẩy nghề cá có trách nhiệm, giám sát hữu hiệu và tổng hợp nghề cá, có cách tiếp cận hệ sinh thái nhằm quản lý nghề cá và khuyến khích tăng trưởng nuôi trồng thủy sản bền vững, đảm bảo sự đóng góp của nghề cá trong mục tiêu kinh tế – xã hội của quốc gia và đạt được an ninh lương thực toàn cầu □

VŨ VĂN TRIỆU dịch

KHẢ NĂNG LẬP LẠI CÂN BẰNG trong tiêu thụ thủy sản của thế giới

Chúng ta đều biết thủy sản là một trong các nguồn quan trọng cung cấp prôtêin cho con người. Khoảng 1/3 tổng sản lượng thủy sản thế giới được chế biến thành thực phẩm cho người hoặc làm thức ăn chăn nuôi gia súc, trong đó 3/4 được đánh bắt từ các vùng biển rộng lớn, còn lại là sản phẩm của nuôi trồng thủy sản - cả nuôi trong nước ngọt và nuôi trong nước mặn lợ.

Theo tính toán của các nhà khoa học, sản lượng khai thác cá biển trung bình từ năm 1990 đến 1995 là 84 triệu tấn/năm, tăng gấp đôi so với năm 1960. Ngoài ra, còn có ít nhất 27 triệu tấn cá đánh bắt hàng năm là sản lượng không có chủ định- nghĩa là bị đánh bắt ngẫu nhiên và bị thải bỏ- làm cho sản lượng khai thác cá biển hàng năm lên tới khoảng 110 triệu tấn.

Chương trình Nông nghiệp và Lương thực của Liên Hợp Quốc (FAO) ước tính rằng khả năng bền vững tiềm tàng-tối đa của các đại dương nằm trong khoảng 82-100 triệu tấn/năm. Với số dân thế giới 6 tỉ người như

hiện nay, lượng tiêu thụ cá trung bình theo đầu người trong 1 năm khoảng 14-17 kg. Do vậy, các hoạt động khai thác như hiện nay là quá mức, gây sức ép ghê gớm đến môi trường biển, làm suy kiệt nguồn lợi ở nhiều ngư trường.

Các nghiên cứu của Liên Hợp Quốc về dự báo dân số thế giới đã đưa ra con số 8,5 tỉ người trên toàn cầu vào năm 2025. Nếu sản lượng đánh cá duy trì ở mức 100 triệu tấn (không kể rong biển và động vật có vú ở biển) và nhu cầu tiêu thụ không tăng quá mức cao nhất đã đạt được năm 1989 là 19,1 kg/người thì khoảng cách cung- cầu sẽ ngày càng lớn. Mức thiếu hụt này sẽ được bù đắp thông qua các hoạt động nuôi trồng thủy sản. Người ta đã tính toán được sản lượng nuôi trồng thủy sản cần thiết để lập lại sự cân bằng đó là 19,6 triệu tấn vào năm 2000; 37,5 triệu tấn vào năm 2010 và 62,4 triệu tấn vào năm 2025. Dự kiến sản lượng nuôi trồng thủy sản (phân bổ theo nhóm loài) trên toàn cầu vào năm 2025 như sau:

Nhóm loài	Năm 2000, ngàn tấn	Năm 2025, ngàn tấn
(1)	(2)	(3)
<i>Cá nước ngọt</i>	12.200	24.000
- Họ cá chép	10.200	20.800
- Cá rô phi	800	1.600
- Loài khác	1.200	2.200
<i>Cá nước lợ</i>	1.700	3.400
- Cá hồi, cá ôtme	1.100	2.400
- Cá di cư 2 chiều	600	1.000

(1)	(2)	(3)
Cá biển	500	1.000
- Cá hồng, cá vược, cá chình	200	400
- Cá trác, cá đối, cá thu	200	300
- Cá khác	100	300
Giáp xác	1.800	4.100
- Tôm	1.600	3.800
- Loài khác	200	300
Nhuyễn thể	4.900	8.900
- Hàu	1.000	1.000
- Vẹm	1.600	2.800
- Mực	1.000	2.200
- Sò	1.000	2.200
- Loài khác	300	700
Rong biển	5800	9.800
- Rong nâu	3.500	5.400
- Rong đỏ	1.400	2.400
- Loài khác	900	2.000
Tổng cộng	26.900	51.800

DH

Nguồn: Aquaculture towards the 21st century, Infofish
Living Planet Report 1998, WWF

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN NGHỀ CÁ ĐÔNG NAM Á (SEAFDEC)

đã thực hiện Chương trình hợp tác nghiên cứu nguồn lợi hải sản ở Biển Đông từ năm 1995. Tại vùng biển Việt Nam, Chương trình sẽ tiến hành 2 chuyến nghiên cứu của tàu SEAFDEC trong 2 năm 1999 và 2000 bao gồm các lĩnh vực về nguồn lợi và sinh học cá, thủy sinh vật học, hải dương học, ô nhiễm biển và môi trường biển nhằm phục vụ phát triển nghề cá - đặc biệt là nghề cá xa bờ của Việt Nam -



Phó Tổng thư kí SEAFDEC phát biểu ý kiến trước khi thực hiện chuyến nghiên cứu đầu tiên tại vùng biển Việt Nam

và việc khai thác hợp lý và quản lý nguồn lợi thủy sản của các nước Đông Nam Á.



Nghề đánh cá kết hợp ánh sáng nhân tạo được phát triển mạnh ở nhiều nước trên thế giới. Để khai thác có hiệu quả và bảo vệ được nguồn lợi thủy sản nhiều nước đã có những nghiên cứu rất sâu về quang phổ ánh sáng và chế độ chiếu sáng thích hợp với từng đối tượng khai thác cụ thể.

Ở Việt Nam các nghề đánh cá

kết hợp ánh sáng nhân tạo được áp dụng rộng rãi là lưới vây, lưới vó, lưới mảnh, rờ, chụp mực, câu mực và pha xúc. Riêng nghề pha xúc dùng ánh sáng đèn pha khai thác cá cơm (sau đây gọi tắt là nghề pha xúc) được ứng dụng đầu tiên ở Phú Khánh (nay là Phú Yên, Khánh Hoà) vào các năm 1985-1986.

Để bảo vệ nguồn lợi thủy sản, dựa trên các kết quả nghiên cứu có được, Bộ Thủy sản ngay từ những năm đầu thập niên 90 đã ra văn bản qui định: nguồn sáng trên mỗi đơn vị khai thác nghề đánh cá kết hợp ánh sáng trong đó có nghề pha xúc không vượt quá 2.000W¹ và không được phát triển thêm, đồng thời từng bước giảm dần số lượng đơn vị sản xuất các nghề kết hợp ánh sáng ở những vùng mà nghề này có mật độ lớn...². Những năm gần đây nghề này được duy trì và phát triển hợp lý ở Phú Yên, Khánh Hoà.

Do ứng dụng nghề pha xúc dùng ánh sáng có công suất lớn mang lại hiệu quả kinh tế bình quân từ 2-3 tấn/đêm/phương tiện, c

đêm năng suất đạt vài chục tấn/phương tiện, cao hơn hẳn nghề vánh sáng màn đèn. Từ cuối năm 1997 năm 1998 và đến năm 1999 cá cơm xuất hiện nhiều

LẬP LẠI TRẬT TỰ NGHỀ PHA XÚC *ở các tỉnh miền Trung*

miền Trung nên nghề này phát triển rất mạnh, ở Quảng Ngãi từ chỗ trước đó tỉnh này không có phương tiện nào hành nghề pha xúc nay lên đến 100 phương tiện. Ở Ninh Thuận, với 260 phương tiện trước đây chuyên hành nghề màn đèn, vánh ánh sáng, từ năm 1998 các phương tiện này chuyển sang làm nghề chính là pha xúc, sử dụng nguồn sáng có công suất lớn để đánh bắt cá cơm, ngoài việc đánh bắt ở vùng biển tỉnh nhà còn chuyển sang đánh bắt ở vùng biển Quảng Ngãi.

Từ thực tiễn khảo sát ở hai tỉnh Quảng Ngãi và Ninh Thuận chúng tôi thấy:

Do phát triển phương tiện pha xúc tự phát ở Quảng Ngãi và Ninh Thuận và việc sử dụng nguồn sáng lớn (Quảng Ngãi 10.000 - 20.000W/phương tiện, Ninh Thuận 15.000 - 25.000W/phương tiện) và việc chuyển ngư trường không được phép vào đầu năm 1998 của các tàu thuyền Ninh Thuận sang vùng biển Quảng Ngãi để hành nghề

¹ Quyết định 682 TS/QĐ ngày 11/9/1993 của Bộ Thủy sản

² Thông tư 04 TS/TT ngày 30/8/1990 của Bộ Thủy sản

pha xúc tạo nên sự quá tải, có dấu hiệu của việc đánh bắt quá mức loài cá này, môi trường sống bị ảnh hưởng.

Cá cơm là đối tượng khai thác chính của nghề truyền thống là mành đèn, vây ánh sáng, do phát triển quá mức nghề pha xúc dùng ánh sáng có cường độ lớn nên năng suất của 2 nghề này giảm từ 4-5 tạ/dêm/phương tiện, dêm cao đạt 1 tấn/phương tiện, nay còn 2-3 tạ/phương tiện, thu nhập người lao động không bảo đảm, đời sống của ngư dân làm nghề này gặp khó khăn, 70% số đơn vị làm nghề mành đèn ở Quảng Ngãi, Ninh Thuận không đủ tiền nộp thuế cho Nhà nước.

Do mâu thuẫn về nghề nghiệp nên đã nảy sinh một số vụ tranh chấp ngư trường dẫn đến xung đột và làm mất trật tự trị an trên biển hoặc đã có trường hợp bột phát, quá khích gây rối trên bờ.

Để lập lại trật tự nghề pha xúc ở các tỉnh miền Trung, theo chúng tôi:

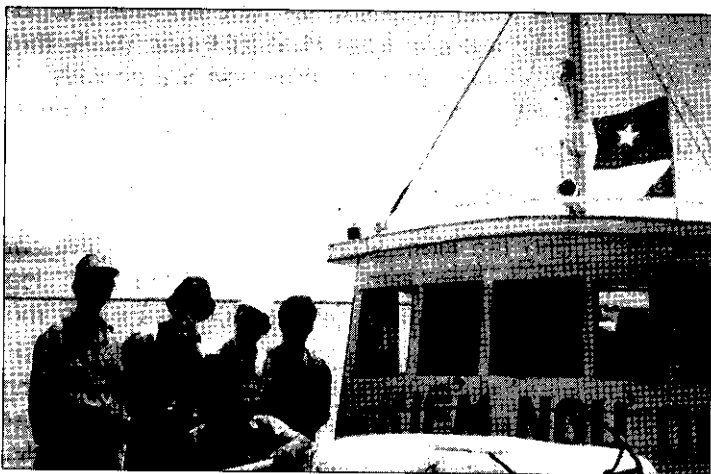
Một là, để bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo đảm trật tự an ninh trên biển các tỉnh miền Trung, trong khi chờ bổ sung qui định về hành nghề pha xúc cần thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản Nhà nước đã ban hành như Thông tư 04 TS/TT ngày 30/8/1990 của Bộ Thủy sản về hướng dẫn thi hành Pháp lệnh BV và PTNLTS và Quyết định số 682 TS/QĐ ngày 11/9/1993 của Bộ Thủy sản về ban hành qui chế khai thác và quản lý nguồn lợi hải sản trên các ngư trường trọng điểm.

Căn cứ vào các văn bản trên, các địa phương có thể qui định trên vùng biển do mình quản lý về cơ cấu hợp lý số lượng đơn vị hành nghề pha xúc, phân tuyến khai thác cho phù hợp với nguồn lợi và hoạt động của các nghề truyền thống khác của địa phương để các nghề không triệt tiêu lẫn nhau. Có thể qui định thời gian cấm khai thác cá cơm trong mùa đẻ rộ hoặc cá cơm có kích thước chưa đến tuổi trưởng thành. Trên cơ sở các văn bản đã có các địa phương cần đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát trên biển, đặc biệt với lực lượng kiểm ngư và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục.

Hai là, Bộ Thủy sản cần tăng cường công tác quản lý. Cần mở rộng phạm vi xử dụng công suất nguồn sáng tại Quyết định số 682 TS/QĐ ngày 11/9/1993, không dừng lại ngư trường trọng điểm mà ở tất cả các ngư trường trong cả nước. Riêng với nghề pha xúc hàng năm cần qui định cụ thể số lượng phương tiện được phép khai thác trên từng vùng biển, phân vùng, phân tuyến cho tàu thuyền hoạt động. Cần đầu tư để có những nghiên cứu bổ sung, từ đó xác định lại công suất nguồn sáng hợp lý để bảo vệ nguồn lợi thủy sản và xác định khoảng cách hợp lý giữa nghề pha xúc với các nghề khác để các nghề khai thác đều mang lại hiệu quả, ngăn chặn tranh chấp ngư trường. Bãi bỏ những văn bản trái pháp luật của địa phương, đơn vị đã ban hành về nghề pha xúc như Chỉ thị số 13/1999/CT-UB của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc cấm hành nghề pha xúc trên vùng biển Quảng Ngãi.

Ba là, đề nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 6 Nghị định 48 CP ngày 12/8/1996 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVNLTS, thay vì chỉ tịch thu nguồn sáng vượt quá công suất qui định bằng việc tịch thu toàn bộ nguồn sáng, bao gồm cả bóng đèn, pha đèn, máy phát điện. Mức xử phạt tối đa 500.000 đồng như qui định là quá thấp chưa có tác dụng răn đe.

MINH PHƯỢNG



SỬ DỤNG BỀN VỮNG VÙNG ĐẤT NGẬP NƯỚC VEN BIỂN

phục vụ cho nuôi trồng thủy sản

Đất ngập nước (ĐNN) ven biển bao gồm rừng ngập mặn (RNM), bãi triều lầy và bãi bùn. Trong đó trước hết phải kể đến rừng ngập mặn.

Vùng ĐNN là vô cùng quan trọng đối với phát triển thủy sản, theo thống kê đến hết năm 1998 đã có gần 300.000ha vùng ĐNN được đưa vào nuôi trồng thủy sản và gần 60% sản phẩm thủy sản xuất khẩu của Việt Nam hiện nay là do khai thác từ vùng này (khai thác tự nhiên và nuôi trồng). Vì vậy khai thác, sử dụng bền vững vùng ĐNN là hết sức cấp thiết.

Không kể những tác động bên ngoài, việc khai thác và sử dụng các vùng ĐNN để phát triển nuôi trồng thủy sản cần phải quan tâm những vấn đề sau:

1. Sử dụng hợp lý vùng ĐNN, kinh nghiệm của nhiều nước trong khu vực đối với các khu vực nuôi tập trung trong vùng ĐNN nhất thiết phải có hệ thống RNM làm vành đai bên ngoài và chỉ nên sử dụng tối đa 2/3 diện tích có khả năng nuôi thủy sản và phải dành một tỉ lệ diện tích nhất định để xây dựng các đầm lầy (thường khoảng 10% diện tích mặt nước nuôi). Cần sớm thông qua chương trình nuôi trồng thủy sản, qui hoạch các vùng nuôi theo phương châm phát triển bền vững, tạm ngừng việc mở rộng diện tích nuôi, nghiên cứu đi vào nuôi thâm canh, nuôi các đối tượng phù hợp với điều kiện môi trường sinh thái.

2. Phải quan tâm đến việc sử dụng thức ăn. Ở Việt Nam hiện nay người nuôi thường hay sử dụng các loại thức ăn tươi (cá loài nhuyễn thể, cá tạp) hoặc các loại thức ăn có đạm cao, vì vậy kĩ thuật cho ăn phải hết sức quan tâm, hạn chế tối đa thức ăn thừa gây ô nhiễm môi trường nuôi. Hiện nay chủng loại thức ăn nuôi thủy sản ở Việt Nam quá nhiều, từ sản xuất trong nước đến nhập ngoại. Để đảm bảo quyền lợi của những

người nuôi trồng thủy sản, bảo vệ bền vững môi trường cần phải tăng cường khâu quản chất lượng theo các hướng sau:

- Tất cả các cơ sở chế biến, đại lí ch nước ngoài đều phải làm thủ tục đăng kí theo Thông tư số 02-1998/TT-BTS ngày 14/3/1998 của Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 15-CP ngày 19/3/1996 của Chính phủ về việc quản lí thức ăn chăn nuôi

- Kiểm tra chất lượng đối với tất cả các loại thức ăn, nguyên liệu chế biến thức ăn nhập từ nước ngoài.

- Cần có hướng dẫn, khuyến cáo đi với việc sử dụng các loại thủy sản tươi làm thức ăn.

- Tổ chức các lớp tập huấn kĩ thuật nuôi cho ngư dân.

3. Trong những năm gần đây nghề nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam phát triển tương đối nhanh. Và tình hình sử dụng cá loại hóa chất để xử lí môi trường và các loại thuốc phòng, trị bệnh động vật thủy sản khá phổ biến, vì vậy cần có các biện pháp nhằm kiểm soát việc sử dụng các hóa chất trong nuôi trồng thủy sản. Ngày 15/5/1999 Bộ Thủy sản đã ra Thông báo số 133/CV/KHCN về danh mục các loại hoạt chất được phép sử dụng làm thuốc thú y trong nuôi trồng thủy sản và mức dư lượng tối đa cho phép các hoạt chất từ thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật và các chất nhiễm trong động vật thủy sản và sản phẩm động vật thủy sản. Cần cứ vào Thông báo trên và các văn bản hướng dẫn trước đây các cơ quan chức năng phải tăng cường công tác kiểm soát, ngăn chặn kịp thời các trường hợp lạm dụng sử dụng các loại thuốc, hóa chất gây tác động xấu đến môi trường nuôi.

4. Nghiên cứu việc xử lí môi trường bằng phương pháp vi sinh vật, chọn lựa cá đối tượng nuôi vừa phù hợp với điều kiện môi

trường, sinh thái, song vẫn đảm bảo hiệu quả nuôi và khắc phục hiện tượng gây ô nhiễm của các đối tượng nuôi, ví dụ như nuôi ngao, trồng rong câu *Gracilaria*, hải sâm, cá rô phi đơn tính v.v... ở các đầm nuôi tôm, cá...

5. Phải có kế hoạch tái tạo các RNM,

nhất là ở các khu vực nuôi trồng thủy sản tập trung ở đồng bằng sông Cửu Long. Thực tiễn chỉ ra việc tái tạo RNM ở huyện Cần Giở thành phố Hồ Chí Minh, vùng trước đây bị rải chất độc nay được trồng lại cho thấy kết quả:

Năm	Rừng trồng lại, ha	Cà, Tấn	Tôm xuất khẩu, Tấn
1997	0	100	0
1980	3.135	3.172	150
1981	1.787	4.050	1.146
1983	553,1	10.442	1.423
1984	983,5	14.500	1.700
1991	1.465	16.870	2.430

Dự án trồng RNM ở Thạch Hà, Hà Tĩnh do Quỹ Nhi đồng Anh (SCF) tài trợ cũng cho kết quả khích lệ □

CẨM VÂN

PHÒNG CHỐNG LỤT BÃO VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN CỦA NGÀNH THỦY SẢN 6 THÁNG ĐẦU NĂM

Ngày 18/6/1999, tại Hà nội Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn (PCLB & TKCN) của Bộ đã họp đánh giá hoạt động công tác 6 tháng đầu năm. Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Hồng, Trưởng ban chỉ huy PCLB & TKCN của Bộ chủ trì.

Ban chỉ huy nhất trí đánh giá, công tác PCLB & TKCN của ngành đã được triển khai sớm, đồng bộ; Chỉ thị được ban hành trước mùa mưa bão, Ban chỉ huy đã được thành lập, đã tiến hành kiểm tra công tác PCLB & TKCN ở tất cả các tỉnh ven biển, phối hợp với các cơ quan truyền thông đại chúng tuyên truyền liên tục, có hiệu quả, mặc dù bão năm nay

xuất hiện sớm đã chỉ đạo kịp thời, đã tổ chức một số lớp tập huấn về công tác PCLB & TKCN có hiệu quả, nhiều địa phương, đơn vị đã có những bước triển khai tích cực về tất cả các mặt. Việc phối hợp giữa thủy sản và các ngành khác được Bộ và các địa phương quan tâm.

Tuy nhiên công tác PCLB & TKCN còn nhiều tồn tại, trong thời gian đến phải khắc phục, tồn tại lớn nhất là trang bị phao cứu sinh khối tàu dưới 90CV, có tình chỉ đạt 40-50% số ngư dân được trang bị phao cứu sinh, chất lượng nhiều phao còn đáng lo ngại. Các tàu được giao cứu hộ của ngành công suất quá thấp khi sóng to, gió lớn không thực thi được nhiệm vụ, các trang bị máy thông tin liên lạc trên các tàu còn rất thấp, đặc biệt là khối tàu nhỏ, luồng lạch nơi trú đậu... □

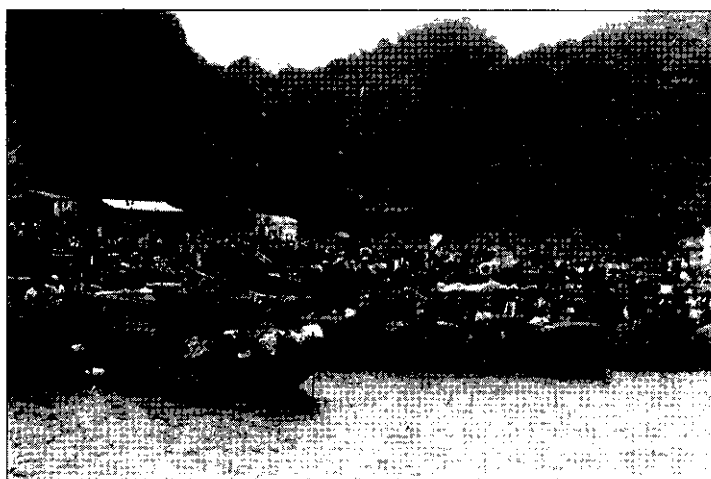


Pho Ban thường trực BCHPCLB Nguyễn Văn Châu
kiểm tra công tác PCLB tại Kiên Giang

Thực hiện Chỉ thị số 07/1999/CT-TTg ngày 14/4/1999 của Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai năm 1999, để ứng phó kịp thời với mọi diễn biến bất thường, hạn chế thấp nhất thiệt hại về người và tài sản do bão lụt gây ra với ngành thủy sản, ngày 3/5/1999 Bộ Thủy sản đã ban hành văn bản số 1209/BTS-PCLB & TKCN do Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Hồng, kiêm Trưởng Ban PCLB & TKCN của Bộ Thủy sản kí. Xin trích giới thiệu cùng bạn đọc.

"1. Quán triệt Chỉ thị số 07/1999/CT-TTg ngày 14/4/1999 của Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng, chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai năm 1999; Chỉ thị số 01/1999/CT-BTS ngày 22/3/1999 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về công tác PCLBGNTT và đảm bảo an toàn cho người và phương tiện nghề cá; Chỉ thị số 91-UB ngày 16/4/1999 của Ủy ban quốc gia TK-CN về một số nhiệm vụ cấp bách cần làm ngay để đối phó với những thiên tai năm 1999. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục cộng đồng, nâng cao ý thức trách nhiệm, chống tư tưởng chủ quan; chủ động tự phòng, tránh và khắc phục hậu quả khi gặp thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: lực lượng, phương tiện, vật chất và chỉ huy.

2. Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch



NHỮNG VIỆC CẦN LÀM NGAY VỀ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG BÃO LỤT VÀ GIẢM NHẸ THIÊN TAI NĂM 1999

sửa chữa, tu bổ các bến cá, điểm trú ẩn tránh gió, bão cho người và các phương tiện hệ thống đê, bờ bao ở các khu vực nuôi trồng thủy sản tập trung; hệ thống truyền tin, tín hiệu báo bão, phát hiện những tồn tại để có biện pháp nhanh chóng khắc phục đảm bảo cho các công trình hoàn thành, chậm nhất là ngày 30/5. Cử cố và kiện toàn lực lượng xung kích, có phương án tìm kiếm, cứu nạn cụ thể và tổ chức diễn tập theo các phương án cứu người, phương tiện hoặc xử lý cá tình huống khác có thể xảy ra khi có gió bão và lũ.

3. Chỉ đạo các Chi cục BVNLTS tăng cường kiểm tra an toàn, đặc biệt đối với khu tàu thuyền nhỏ. Kiên quyết không cấp giấy phép hoạt động cho các phương tiện không đảm bảo an toàn và thiếu các trang bị an toàn theo qui định hiện hành.

4. Tổ chức trực ban PCLB&TKCN, giữ liên lạc thường xuyên với BCH PCLB&TKCN của Bộ và các đơn vị xung kích, các điểm d kiến là nơi tránh, trú bão cho người và cá phương tiện nghề cá khi có áp thấp nhiệt đới và bão. Khi có tin áp thấp nhiệt đới đó bão, lũ ảnh hưởng đến khu vực này thì nhất thiết đồng chí trưởng ban hoặc phó ban PCLB&TKCN khu vực đó phải có mặt tại cơ quan để nắm thông tin và chỉ đạo công tác PCLB &TKCN được kịp thời, có hiệu quả.

Yêu cầu giám đốc các Sở Thủy sản, Sở NN&PTNT, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, triển khai ngay các nội dung trên và có báo cáo về Bộ (BCH PCLB&TKCN của Bộ Thủy sản) tình hình chuẩn bị của địa phương để đối phó với mùa bão năm 1999" □

NHIỆM VỤ CẤP BÁCH

VỀ TÌM KIẾM - CỨU NẠN NĂM 1999

"... 1. Trên cơ sở những kinh nghiệm chỉ đạo, tổ chức tìm kiếm - cứu nạn (TK-CN) trong những năm qua các cơ quan thường trực TK-CN chuyên ngành (Hàng không, Hàng hải, Thủy sản, Dầu khí), lực lượng thường trực TK-CN Bộ Quốc phòng và các địa phương kiểm tra rà soát và xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch TK-CN của ngành, đơn vị, địa phương mình theo đúng tinh thần chỉ thị số 07/1998/CT-TTg về việc xây dựng kế hoạch TK-CN từ Trung ương đến địa phương của Thủ tướng Chính phủ.

2. Bảo đảm chế độ thường trực 24/24 đối với Văn phòng Ủy ban Quốc gia TK-CN, các cơ quan thường trực TK-CN chuyên ngành, lực lượng thường trực TK-CN Bộ Quốc phòng và các địa phương.

3. Khi có các tình huống TK-CN xảy ra trên địa bàn, các tỉnh phải chủ động sử dụng lực lượng, phương tiện của địa phương phối hợp với các lực lượng TK-CN khác đứng chân trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ TK-CN. Khi tình huống TK-CN xảy ra vượt quá khả

năng của địa phương cần báo cáo kịp thời về Ủy ban Quốc gia TK-CN và phối hợp với các lực lượng TK-CN Trung ương thực hiện các hoạt động TK-CN nhằm hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả do thiên tai gây ra.

4. Các cơ quan thường trực TK-CN chuyên ngành (Hàng hải, Hàng không, Dầu khí, Thủy sản) cần nắm chắc và kiểm tra chặt chẽ các lực lượng, phương tiện dự kiến sẽ huy động tham gia TK-CN khi có tình huống. Có kế hoạch hiệp đồng với các địa phương có liên quan chủ động triển khai các hoạt động TK-CN. (Thực hiện 4 phương châm tại chỗ: lực lượng, phương tiện, vật chất, chỉ huy).

5. Các cơ quan thường trực TK-CN chuyên ngành, lực lượng thường trực TK-CN nạn Bộ Quốc phòng, các tỉnh báo cáo kịp thời các thông tin và các hoạt động TK-CN của mình về Ủy ban Quốc gia TK-CN □

Nguồn: Trích Chỉ thị số 91-UB ngày 16/4/1999 của Ủy ban quốc gia Tìm kiếm - Cứu nạn

KHAI THÁC VÀO BẢO VỆ TÔM RỒNG

Ngoài khơi thành phố biển Reken-ton thuộc Ôxtrâylia có hòn đảo quanh năm sóng dữ và nhiều đá ngầm, nhưng nơi đây biển cả cung cấp cho con người một nguồn thủy sản quý giá đó là tôm rồng, đây là một trong những nơi có tôm rồng lớn nhất thế giới.

Hàng năm ở đây ngư dân đánh bắt được hàng trăm tấn tôm rồng, với khoảng 600 ngư dân hành nghề.

Thời gian đầu việc khai thác còn tự do, họ đánh tôm mà không cần xin phép chính quyền, dần dần do tôm này có giá trị xuất khẩu cao, ngư dân lao vào làm nghề này ngày một nhiều. Để bảo vệ nguồn tôm quý chính quyền Ôxtrâylia qui định ai có giấy phép mới được hành nghề. Có giấy phép lên tới hàng triệu franc lệ phí. Mùa vụ đánh bắt kéo dài khoảng 4 tháng/năm.

Ở đây mọi người tự quản nhưng phải tuân thủ qui định mới về đánh bắt và công cụ đánh bắt. Các tàu tuần tra của cảnh sát có quyền kiểm tra các loại đồ tôm, nếu dùng loại đồ tôm không đúng qui định, như bắt tôm nhỏ, ngư cụ sẽ bị tịch thu, được biết giá mỗi đồ tôm khoảng 100.000 franc, vi phạm hơn sẽ bị tịch thu giấy phép hành nghề.

TĐ. *Nguồn:* TCB

TRÍCH CHỈ THỊ SỐ 02/1999/CT-BTS NGÀY 14/4/1999

VỀ VIỆC TỔ CHỨC TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN PHÁP LỆNH

BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỢI THỦY SẢN (1989-1999)

Pháp lệnh Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản (BV & PTNLTS) được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 25/4/1989. Đến nay, Pháp lệnh là văn bản pháp luật có tính pháp lý cao nhất về thủy sản, là công cụ quan trọng quản lý ngành thủy sản, đặc biệt đối với công tác BV & PTNLTS và môi trường sống của các loài thủy sản...

Để đánh giá tình hình 10 năm thực hiện Pháp lệnh, làm cơ sở quan trọng cho việc xây dựng Luật Thủy sản, yêu cầu các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nơi không có Sở Thủy sản) và các đơn vị trực thuộc Bộ thực hiện một số việc sau đây:

1. Xây dựng và trình Ủy ban Nhân dân tỉnh chương trình, kế hoạch phối hợp với các ngành các cấp về tổng kết và tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Pháp lệnh BV và PTNLTS. Căn cứ vào nội dung Pháp lệnh BV và PTNLTS, các văn bản hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh, đánh giá tình hình thực hiện, rút ra những ưu khuyết điểm, những bài học kinh nghiệm, xác định những tồn tại, nguyên nhân, đồng thời có những đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung những qui định nêu trong Pháp lệnh. Trên cơ sở tiến hành tổng kết tại địa phương, cần có biểu dương khen thưởng các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Pháp lệnh BV và PTNLTS trong thời gian qua.

2. Mở một đợt thi đua, tuyên truyền về thực hiện Pháp lệnh BV và PTNLTS từ nay đến hết năm 1999. Nội dung tuyên truyền tập trung vào việc hướng dẫn Pháp lệnh và các văn bản qui phạm pháp luật có liên quan; phổ biến những kiến thức về nguồn lợi và môi trường sống của các giống loài thủy sản; biểu dương các địa phương, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Pháp lệnh; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.

3. Các Viện nghiên cứu, căn cứ vào kết quả của các chương trình, đề tài điều tra nghiên cứu, tổng hợp và xây dựng các báo cáo về nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sản trong 10 năm qua; đề xuất các giải pháp nhằm bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sản.

4. Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản chủ trì phối hợp với Vụ Pháp chế và các Vụ chức năng khác hướng dẫn cụ thể các địa phương, đơn vị tổng kết 10 năm thực hiện Pháp lệnh BV và PTNLTS; tổng hợp báo cáo của các địa phương, đơn vị để xây dựng báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Pháp lệnh BV và PTNLTS; phối hợp với Văn phòng Bộ Thủy sản hướng dẫn các địa phương về nội dung tuyên truyền, tổng kết thi đua khen thưởng và tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Pháp lệnh BV và PTNLTS của Bộ tại Hà Nội dự kiến vào qu IV/1999.

Yêu cầu Giám đốc các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị này, đảm bảo hình thức tổ chức tổng kết thiết thực, hiệu quả và tiết kiệm. Các báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Pháp lệnh BV và PTNLTS của các địa phương, đơn vị được gửi về Bộ Thủy sản (Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản) trước ngày 30/6/1999."

Công tác quản lí nhà nước

VỀ KIỂM DỊCH THÚ Y THỦY SẢN

Ở TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bình Định là tỉnh duyên hải miền Trung có nhiều khu vực đầm hồ thuận lợi cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản (NTTS), đặc biệt là nuôi tôm, tạo thế mạnh cho kinh tế thủy sản phát triển.

Do nhu cầu sản xuất và cơ chế thị trường nhiều tổ chức và cá nhân đầu tư vốn và kĩ thuật vào nghề sản xuất tôm giống, đến nay toàn tỉnh có gần 130 trại với công suất 5-10 triệu Postlarvae/năm/trại, cung cấp giống cho các khu vực nuôi tôm trong tỉnh và các tỉnh có nghề nuôi tôm như Phú Yên, Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng, Bến Tre, Quảng Ngãi, Thanh Hóa, Thừa Thiên – Huế. Yêu cầu đặt ra là con giống xuất ra phải khỏe mạnh, đúng kích cỡ, không bị bệnh, đạt tiêu chuẩn ngành 28 TCN: 124:1998. Cơ quan có trách nhiệm kiểm tra, kiểm dịch chất lượng tôm giống tại địa phương đó là Chi cục BVNLTS Bình Định.

Từ khi đảm nhận công tác này (năm 1994) Chi cục đã có nhiều hoạt động như tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng, gửi thông báo, văn bản xuống tận địa phương, trại giống. Tuy nhiên, công tác kiểm dịch, thú y thủy sản (TYTS) nói chung và kiểm dịch tôm giống nói riêng vẫn còn nhiều tồn tại. Nguyên nhân là việc xây dựng các trại tôm giống trong tỉnh tự phát, thiếu qui hoạch, không đăng kí hành nghề, ao xử lí nước thải chưa đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường. Ý thức chấp hành qui định kiểm dịch của phía người nuôi tôm, người sản xuất tôm giống chưa thật sự nghiêm túc, dẫn đến ô nhiễm môi trường xung quanh trại giống, đưa tôm giống không đảm bảo chất lượng ra xuất bán, bệnh tôm thịt có năm xảy ra ở mức độ cao, gây thiệt hại không nhỏ cho người

nuôi tôm.

Đứng trước tình hình trên, để khắc phục tồn tại, ngày từ đầu năm 1999 Ủy ban Nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Thủy sản, Chi cục BVNL thủy sản và các ngành chức năng như: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, thành phố, chính quyền các xã, phường có các trại sản xuất tôm giống đóng trên địa bàn, Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường cùng phối hợp triển khai điều tra tình hình thực tế của các trại sản xuất tôm giống, đánh giá hiện trạng về mặt bằng sản xuất, chứng chỉ kĩ thuật sản xuất tôm giống của cán bộ kĩ thuật, hệ thống xử lí nước thải. Trên cơ sở đó lập biên bản để xem xét, hướng dẫn cấp đăng kí hành nghề trong năm 1999.

Sự chỉ đạo kịp thời đúng đắn của tỉnh, ngành, đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lí chất lượng tôm giống trong tỉnh, 100% các trại giống làm bản cam kết với Chi cục chấp hành qui định về kiểm dịch, vệ sinh TYTS, đăng kí chất lượng hàng hóa. Đặc biệt là Chi cục đã xây dựng được phòng kiểm dịch với những trang thiết bị chuyên dùng tối thiểu phục vụ cho công tác kiểm dịch và nâng cao chất lượng kiểm dịch.

Để nâng cao uy tín chất lượng tôm giống ở Bình Định, nhằm ổn định sản xuất, thúc đẩy nghề nuôi tôm Bình Định nói riêng và cả nước nói chung ngày một phát triển, cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữ Chi cục BVNL tỉnh, các cơ quan chức năng và địa phương có nuôi tôm, quan trọng là giáo dục ý thức chấp hành qui định Nhà nước về kiểm dịch TYTS của người nuôi tôm và người sản xuất tôm giống □

NGUYỄN HẠNH ĐỨC

KHI CÓ BÃO

tàu thuyền phải làm gì?

Trong mùa mưa bão tàu thuyền hoạt động trên biển phải theo dõi thường xuyên những thông tin dự báo thời tiết, tín hiệu báo bão để nếu có bão kịp thời ứng phó.

Khi có bão thông tin liên lạc thường xuyên với cơ quan có trách nhiệm quản lý tàu thuyền hoạt động và tàu bạn về vị trí tàu thuyền đang hoạt động để nhận sự chỉ đạo và chỉ viện.

KHI BÃO XA

- Liên tục theo dõi để biết hướng di chuyển của bão, tốc độ và cấp độ bão.
- Nếu hướng di chuyển của bão sẽ ảnh hưởng đến vùng biển nơi tàu thuyền đang hoạt động cần chuẩn bị đưa tàu thuyền về bến.
- Chuẩn bị phao cứu sinh và tiến hành các công việc sẵn sàng ứng phó với các tình huống xấu có thể xảy ra.

KHI BÃO GẦN

- Thu lưới ngay, nếu thấy không đủ thời gian để đưa tàu thuyền về nơi an toàn có thể phải cắt bỏ lưới.
- Tìm cách báo cho tàu thuyền bạn biết.
- Tìm mọi cách đưa tàu thuyền đến nơi an toàn gần nhất trước khi bão tới.
- Phổ biến cho mọi người trên tàu biết cách phòng tránh, chuẩn bị sẵn sàng các phương tiện chống thùng, phao cứu sinh, xuống cứu sinh, các phương tiện phát tín hiệu cấp cứu, lương thực, thuốc men... Bố trí các thuyền viên vào những vị trí qui định.

KHI BÃO KHẨN CẤP

- Điều động tàu tránh xa tâm bão, hướng di chuyển của bão và đưa tàu thuyền về nơi an toàn. Nếu tàu thuyền nằm ở nửa bên phải của bão, điều khiển tàu chạy ngược gió sao cho gió thổi vào mũi tàu lệch mạn phải 30 - 40 độ; nếu tàu nằm ở nửa bên trái hoặc ngay trên đường bão đang đi tới phải nhanh chóng cho tàu chạy xuôi theo chiều gió sao cho gió thổi vào đuôi tàu lệch mạn phải 30 - 45 độ (Xem sơ đồ điều khiển tàu thuyền chống bão).
- Phổ biến các phương án ứng phó cho các thuyền viên, đưa người vào vị trí đã được phân công.

KHI TÀU THUYỀN GẶP BÃO

- Tất cả các cán bộ, thuyền viên đều phải mặc áo phao cứu sinh.
- *Tàu thuyền đang ở xa bờ:*
 - + Hạ thấp trọng tâm của tàu (hạ cần cẩu, đưa lưới sợi, công cụ không cần thiết xuống hầm tàu), hạn chế mặt thoáng của hầm nước, kết dẫu.
 - + Sắp xếp, chằng buộc chắc chắn tất cả các vật dụng trên tàu để giữ trọng tâm của tàu luôn ổn định khi gặp gió bão.
 - + Phủ bạt và chằng buộc các nắp hầm, kiểm tra độ kín nước của vỏ tàu, mặt boong, các cửa, nắp hầm...
 - + Xuống, phao cứu sinh, dụng cụ chống thùng, phương tiện phát tín hiệu cấp cứu, thông tin liên lạc, ở tư thế sẵn sàng.

+ Điều khiển tàu chạy ngược sóng hoặc theo hướng sao cho gió thổi chếch mũi đến chếch mạn phải một góc thích hợp.

+ Nếu tàu điều động không có kết quả, phải tắt máy, thả tàu trôi xuôi sóng, đồng thời dùng neo chống bão hoặc điều khiển neo trượt trên đáy biển để giữ cho tàu không nằm ngang sóng để lật tàu. Trong trường hợp tàu thuyền gặp nguy hiểm, mất liên lạc thuyền trưởng chuẩn bị sẵn vỏ chai hoặc can nhựa đã sơn màu đỏ bỏ giấy vào và bịt kín, giấy viết các nội dung: tên tàu, đơn vị chủ quản, danh sách cán bộ thuyền viên có mặt trên tàu, tọa độ tàu khi thả thư.

- *Tàu thuyền ở gần các đảo:*

+ Đảo là vật chắn sóng và gió tốt nhưng không được neo đậu hoặc điều động tàu sát vách đảo, nếu sát vách đảo dễ bị va đập vỡ tàu. Tàu thuyền luôn nổ máy, điều động tàu luôn cho mũi chếch sóng 35-40 độ.

+ Các cán bộ, thuyền viên ở tư thế sẵn sàng chống thủng, cấp cứu nếu có người bị nạn.

- *Tàu thuyền đã vào lạch:*

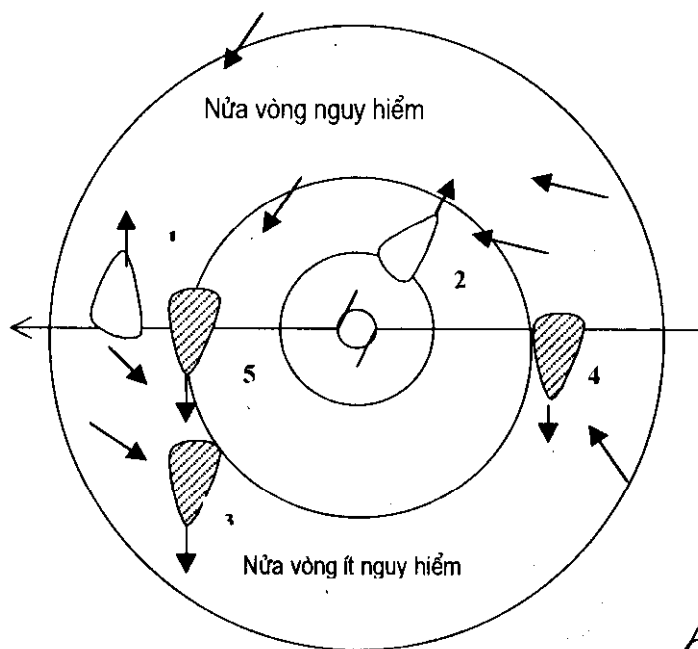
+ Chọn bãi trú ẩn tàu thuyền nơi khuất gió. Không thả neo nơi có chất đáy có tỉ lệ cát từ 80% trở lên, nơi có đá ngầm.

+ Chiều dài dây neo bằng 5-7 lần chiều sâu của nơi tàu thuyền đậu. Thả cả neo mũi và neo lái giữ cho tàu ở nguyên vị trí khi gió bão đến.

+ Nơi không có cầu tàu, neo tàu thuyền theo hướng thẳng góc với bờ, đuôi tàu quay vào trong bờ, cách xa nhau đủ rộng để tránh va đập vào nhau.

+ Buộc các vật dệm va 2 bên mạn tàu để giảm sự va đập.

Sơ đồ điều khiển tàu, thuyền chống bão



→ : Hướng tàu thuyền chống bão
← : Hướng di chuyển của bão

6 : Mắt bão
→ : Hướng gió thổi

Tin hoạt động bảo vệ nguồn lợi thủy sản

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG VÙNG LÃNH HẢI...

Ngày 9/6/1999, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 36/1999/NĐ-CP qui định về xử phạt vi phạm hành chính trong vùng lãnh hải, vùng tiết giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước CHXHCN Việt Nam. Nghị định gồm 5 chương, 41 điều.

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 1 năm.

Vi phạm về an ninh, trật tự an toàn về bảo vệ môi trường biển, phạt từ 5-100 triệu đồng. Ngoài ra còn hình phạt bổ sung: tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng; tước quyền sử dụng chứng chỉ chuyên môn, giấy phép hoạt động hàng hải, giấy chứng nhận về huấn luyện an toàn; buộc bồi thường thiệt hại; khắc phục tình trạng ô nhiễm; tạm giữ phương tiện vi phạm; buộc phương tiện vi phạm rời khỏi vùng nước đang hoạt động.

Vi phạm về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phạt tiền từ 2-50 triệu đồng; tịch thu toàn bộ hải sản, ngư cụ.

Ngoài ra Nghị định còn định rõ: thẩm quyền, thủ tục xử phạt và áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính; khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm, những điều khoản thi hành.

TẬP HUẤN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA CHUYÊN NGÀNH THỦY SẢN

Để thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý chất lượng hàng hóa chuyên ngành thủy sản theo qui định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng hàng hóa chuyên ngành thủy sản tại Nghị định 86-CP ngày 8/12/1995 của Chính phủ, lần đầu tiên Cục BVNLTS tổ chức tập huấn Quản lý chất lượng hàng hóa chuyên ngành thủy sản cho 31 học viên đang công tác tại 18 Chi cục, và Cục BVNLTS từ ngày 28/5 – 4/6/1999 tại thành

phố Hồ Chí Minh. Kết thúc khóa học 100% học viên được cấp Giấy chứng nhận trong đó 83,2% đạt loại giỏi.

ĐÀO TẠO THANH TRA VIÊN BVNLTS

Tại Đà Nẵng, từ ngày 9/6-19/6/1999, Cục BVNLTS mở lớp đào tạo thanh tra viên BVNLTS cho 69 học viên đủ tiêu chuẩn được đào tạo từ 23 đơn vị trong toàn quốc (Cục, các Chi cục BVNLTS, Sở NN và PTNT). Kết quả 100% học viên được cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp, trong đó 35,3% đạt loại giỏi, 40% đạt loại khá.

HẢI PHÒNG

Nghề nuôi tôm ở Hải Phòng, đặc biệt là nuôi tôm sú ngày càng được mở rộng. Để con giống có chất lượng cung cấp cho dân nuôi, ngoài việc hướng dẫn kỹ thuật, qui trình, các văn bản pháp qui, tuyên truyền cho các chủ cơ sở dịch vụ, kinh doanh tôm sú giống, ngay từ đầu năm Sở Thủy sản Hải Phòng đã thành lập đoàn thanh tra về giống tôm sú do Chi cục BVNLTS làm trưởng đoàn và các thành viên là Phòng Nuôi trồng thủy sản và Trung tâm khuyến ngư của Sở. Kết quả, thanh tra cho thấy đa số các chủ cơ sở dịch vụ – kinh doanh tôm sú trên địa bàn Hải Phòng chấp hành đầy đủ chính sách của Nhà nước và qui định của ngành. Đa số các cơ sở đã được cấp giấy phép hoạt động... Nguồn tôm giống trước khi nhập vào Hải Phòng đã qua kiểm dịch về bệnh, đảm bảo chất lượng, các ao, bể ương, lưu giữ giống, nguồn nước thải đều đã được kiểm tra.

QUẢNG NINH

Sau hơn 1 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, với sự nỗ lực của Ban chỉ đạo tỉnh mà nòng cốt là Sở Thủy sản, sự phối hợp chặt chẽ của các ngành chức năng và các

huyện thị, tình hình sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc (CNXĐCĐ) để khai thác thủy sản ở Quảng Ninh đã giảm hẳn, nhất là ở các vùng trọng điểm. điều tra các đối tượng sử dụng CNXĐCĐ để khai thác thủy sản cho thấy: công cụ khai thác nhỏ bé, thủ công, các đối tượng vi phạm chủ yếu là ngư dân nghèo ở những xã nghèo. Vì không có vốn chuyển nghề và vì cuộc sống hàng ngày nên một số đối tượng biết rõ tác hại của việc dùng CNXĐCĐ để khai thác thủy sản nhưng vẫn hành nghề cấm.

Để tiến tới chấm dứt tệ nạn này Quảng Ninh đề nghị Nhà nước có chính sách hỗ trợ về vốn để dân chuyển nghề sang khai thác hoặc nuôi trồng thủy sản (bao gồm: mua sắm công cụ, trang bị kiến thức). Trước mắt cần xây dựng một xã điểm để nhân ra diện rộng.

NAM ĐỊNH

Tiếp theo sau trạm kiểm ngư số 1 đặt tại huyện Nghĩa Hưng đi vào hoạt động, ngày 18/5/1999 Sở Thủy sản Nam Định đã tổ chức khánh thành và đưa vào sử dụng Trạm kiểm ngư số 2 đặt tại huyện Xuân Thủy, công trình được xây dựng bằng nguồn vốn của địa phương (riêng phần xây lắp giá trị trên 700 triệu đồng).

Trạm kiểm ngư Xuân Thủy có nhiệm vụ tiến hành công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên vùng biển phía bắc

tỉnh và vùng nuôi trồng thủy sản nước lợ có diện tích trên 2.000 ha của địa phương.

NINH THUẬN

Nhờ tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, trong tháng 5/1999 Chi cục BVNLTS tỉnh đã phát hiện 81 vụ vi phạm trong đó 72 vụ về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, 9 vụ về kiểm dịch thú y thủy sản. Đã ra quyết định xử lý 121 vụ, trong đó có 48 vụ tòn đọng của tháng 4, 73 vụ của tháng 5, 8 vụ của tháng 6 và phạt tiền 98.114.000đ.

PHÚ YÊN

95 triệu con tôm post là số lượng do 30 cơ sở tôm giống ở huyện Sông Cầu sản xuất được trong 5 tháng đầu năm, không những đã cung cấp cho người nuôi tôm trong huyện mà còn xuất bán cho các ao, đầm nuôi tôm ở các huyện Tuy An, Tuy Hoà. Tuy vậy, vấn đề tôm giống chưa được kiểm định, thời tiết khí hậu không thuận lợi nên tình trạng dịch bệnh ở tôm giống xảy ra khá phổ biến. Huyện Sông Cầu đã lập và trình Nhà nước phê duyệt dự án tôm giống sạch bệnh tại xã Xuân Hải với công suất 1 tỉ con, nếu được đây là tín hiệu mừng cho người nuôi tôm ở huyện và các huyện lân cận □

Tin, ảnh chuyên mục BVNLTS của: *Ngọc Thạch, Hoàng Nguyên, Hữu Ưông, Ngọc Vinh, Kiều Ba.*

LỜI CẢM ƠN

Nhân kỉ niệm Ngày Báo chí Việt Nam 21/6, Tạp chí Thủy sản vui mừng được đón tiếp các đại biểu cơ quan chính quyền, đoàn thể; nhiều bạn đọc, công tác viên, đồng nghiệp đến Toà soạn chúc mừng. Nhiều cơ quan, đơn vị, cá nhân đã gửi điện, hoa chúc mừng những người làm báo Tạp chí Thủy sản nhân ngày truyền thống báo chí Việt Nam.

Toà soạn, Chi hội Nhà báo Tạp chí Thủy sản chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo, các tập thể, cá nhân về những tình cảm tốt đẹp và sự cổ vũ, động viên đối với những người làm báo Tạp chí Thủy sản. Chúng tôi hứa ra sức phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ của mình để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của bạn đọc.

BAN BIÊN TẬP VÀ CHI HỘI NHÀ BÁO TẠP CHÍ THỦY SẢN

KĨ THUẬT NUÔI CÁ RÔ PHI ĐƠN TÍNH ĐƯỢC

- Cá rô phi đơn tính được có ưu điểm thịt ngon, ít xương dăm, nuôi sau 4-5 tháng cho ăn đầy đủ đạt từ 0,4-0,6kg/con.

- Cá sống được cả ở khu vực nước ngọt, nước lợ, nuôi được trong ao hồ, ruộng và có thể nuôi được trong lồng.

- Cá có tập tính ăn tạp: ăn các mùn bã hữu cơ, và các loại phân gia súc, đặc biệt cho ăn thức ăn công nghiệp cá nhanh lớn. Nếu nuôi đạt cỡ 0,4-0,5 kg/con có thể xuất khẩu được. Với ưu điểm trên phong trào nuôi cá rô phi đơn tính được phát triển đã trở thành đối tượng nuôi quan trọng ở nước ta.

I. ƯƠNG TỪ CÁ HUƠNG LÊN CÁ GIỐNG

1. Chuẩn bị ao ương

- Ao ương là ao nước ngọt, có diện tích từ 100-400m² sâu từ 0,8 - 1m.

- Ao được tát cạn, dọn sạch cây que, bèo bần lấp hết hang hốc, trát phẳng ven bờ và trang phẳng đáy, dùng vôi bột 10-15kg/100m² rắc đều khắp đáy ao, phơi nắng, bón lót, sau đó lấy nước vào, cách làm giống như ở các ao nuôi khác. Mặt

độ thả từ 30-60 con/m², cho ăn đầy đủ.

2. Thức ăn và cách cho ăn

Ngoài việc bón phân gây màu nước như ương cá mè, trôi, có thể dùng thức ăn công nghiệp, thức ăn phối chế là bột ngô, khoai, trọt với bột cá, bột đậu tương. Ngoài thức ăn tinh cần cho thức ăn bổ sung bèo trứng cá, rau băm nhỏ.

Hàng ngày cho ăn 4-5 lần, lúc cá còn nhỏ cho ăn 2 giờ một lần, có thể cho ăn cả tối. Thức ăn được rắc trên mặt nước, hoặc nấu chín cho vào nia, mẹt để cá ăn.

3. Chăm sóc, quản lí

- Thường xuyên quan sát cá ăn để tăng giảm lượng thức ăn hàng ngày.

- Theo dõi mức nước trong ao để điều chỉnh cho hợp lí.

- Diệt trừ các loại địch hại của cá. C ương sau 15-25 ngày đạt cỡ 4-6 cm chuyển sang nuôi cá thịt.

II. NUÔI CÁ RÔ PHI THƯƠNG PHẨM

1. Chuẩn bị ao hồ

- Vùng đầm hồ nước lợ sau 1- vụ nuôi tôm, ao đầm cần được cải tạo bằng cách tát cạn nước sau khi th hoạch tôm, tu bổ lại bờ cống, trang phẳng đáy, dùng vôi bột 15-2 kg/100m² rắc đều khắp đáy ao để diệt địch hại cho cá. Lọc nước vào, độ sâ 1-1,5m; bón lót phân chuồng 50-6 kg/100m², hoặc phân đạm, lân gây màu nước, sau đó thả giống vào nuôi.

- Vùng đồng ruộng nuôi xen canh rô phi cũng phải đào mương, a khoảng 18-20% diện tích cấy lúa làr nơi trú ẩn cho cá. Mương, ao phải đượ tát cạn, tẩy dọn, rắc vôi bón lót nh trên, để đầu vụ xuân thả cá vào nướ trước khi cấy lúa.

(Xem tiếp trang 38)



Nuôi cá rô phi trên ruộng lúa

XÍ NGHIỆP ĐÁNH CÁ QUẢNG NINH

vươn lên để khẳng định mình

Là một trong 6 doanh nghiệp của ngành thủy sản tỉnh, Xí nghiệp đánh cá Quảng Ninh trải qua những biến động của cơ chế thị trường, đã vươn lên để khẳng định mình trong thời kỳ đổi mới. Sinh ra trong thời kỳ bao cấp, nhiệm vụ số một của Xí nghiệp lúc bấy giờ là đánh cá cung cấp cho công nhân mỏ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Sản lượng càng tăng thì thành tích càng lớn, lúc đó ít ai nghĩ đến hạch toán, lỗ lãi, chi phí giá thành một cân cá. Mà có nghĩ đến và dù sản xuất có lỗ vốn được Nhà nước bù lỗ. Chính quen "bù bầu sữa mẹ" bao cấp ấy, nên khi chuyển sang cơ chế thị trường, phải tính đến chi phí cho một cân cá, đầu vào, đầu ra, lỗ lãi ra sao thì lúc đó người ta mới nhận ra rằng nhiều năm nay sản xuất nhưng hiệu quả kém. Khi các doanh nghiệp đã chuyển sang cơ chế thị trường mấy năm, nhưng Nhà nước vẫn phải bù lỗ cho Xí nghiệp đứng trước nguy cơ giải thể. Trước thực trạng trên, lãnh đạo Xí nghiệp, cũng như trên 160 cán bộ, công nhân cùng chung một suy nghĩ, phải làm gì để Xí nghiệp vượt khỏi tình trạng này. Một phương án mới được hình thành và được toàn thể Xí nghiệp nhất trí cao.

Một là, phải tạo được nguồn vốn trên cơ sở đó đổi mới công cụ thiết bị, vốn được tạo bằng nguồn thu hồi công nợ dây dưa trong và ngoài đơn vị, vốn tự nguyện đóng góp mỗi CBCNV 2 triệu đồng và tiền bán 4 tàu vỏ sắt cũ đã hoạt động 20 năm, với số tiền đó mua 6 tàu vỏ gỗ của Trung Quốc và nâng cấp 4 tàu còn lại của Xí nghiệp có công suất từ 135CV đến 175CV. Các tàu nâng cấp và mua đều được trang bị công nghệ, ngư cụ mới đó là lưới kéo già đôi phù hợp với việc khai thác hải sản trên ngư trường vịnh Bắc Bộ, các trang thiết bị hiện đại như máy dò cá, máy định vị, máy thông tin liên lạc.

Hai là, đổi mới cơ chế quản lý, Xí nghiệp triển khai cơ chế giao khoán cho các đội tàu tự chủ về kinh tế tài chính, tiền lương, chi phí sản xuất, nhằm nâng cao trách nhiệm của mỗi người

và từng con tàu, đội tàu, hàng tháng các đội tàu nộp cho Xí nghiệp các khoản thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiền sửa thiết bị và khấu hao tài sản. Xí nghiệp chịu trách nhiệm quản lý, sửa chữa lớn, cung ứng vật tư, hậu cần, đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật khai thác, dự báo ngư trường, chuyển giao công nghệ tiên tiến khai thác cá biển. Nhờ cơ chế phù hợp, phát huy được tính năng động, tự chủ của từng đội tàu, thủy thủ gắn bó và có trách nhiệm với con tàu, tàu ít hư hỏng vặt, ra khơi bám biển dài ngày đánh cá có hiệu quả. Có đội tàu đạt năng suất mẻ lưới 30-40 tấn cá. Đội tàu anh Vi Tiến Ngọc gồm 2 hai công suất mỗi tàu 275 CV, do giỏi tay nghề, bám biển dài ngày ở vùng biển Nghệ An, Thanh Hóa, Bạch Long Vĩ, đánh bắt ở độ sâu từ 60 mét nước trở lên, sản xuất đạt năng suất cao. Năm 1998, đội tàu đạt sản lượng 345 tấn cá, bình quân 1 lao động nghề cá trên 10 tấn/năm. Và đây cũng là đội tàu triển khai việc giao khoán đầu tiên mang lại kết quả tốt, tháo gỡ cơ chế mới cho Xí nghiệp triển khai đến các đội tàu trong toàn đơn vị cùng làm. Đội tàu anh Bùi Thế Việt làm đội trưởng với 2 con tàu 135CV, chuyên đánh cá ở ngư trường đông nam Cỏ Tô, cũng là đội tàu có nhiều kinh nghiệm, thường xuyên đạt năng suất cao. Sản xuất trừ chi phí và các khoản nộp, thu nhập hàng tháng của thủy thủ trên một triệu đồng ...

Điều đáng ghi nhận là trong năm 1997, Xí nghiệp đã đưa công nghệ mới vào khai thác cá, dùng lưới kéo mở cao của Trung Quốc, năng suất gấp 2 lần so với cũ. Chính nhờ đổi mới cơ chế quản lý, đổi mới công nghệ khai thác, năm 1998, mặc dù Xí nghiệp sửa chữa nâng cấp, cải hoán 8/10 tàu với tổng số vốn đầu tư 2 tỉ 600 triệu, không đi sản xuất từ tháng 6 đến tháng 10/1998, song Xí nghiệp vẫn đạt sản lượng cao với 930 tấn cá, bằng 103% kế hoạch năm và bằng 108% cùng kỳ, doanh thu 109% kế hoạch và bằng 113% cùng kỳ, nộp ngân sách 260 triệu đồng, trong đó thu doanh thu 107 triệu đồng. Năm tháng đầu năm

1999, sản lượng ước đạt trên 426 tấn hải sản các loại, bằng 101% so cùng kì. Đảm bảo đời sống cán bộ công nhân ổn định, từng bước được nâng lên, thu nhập bình quân trên 700.000 đồng/tháng/lao động. Các hoạt động khác được quan tâm thực hiện tốt. Đảng bộ 8 năm liền là

Đảng bộ vững mạnh. Tất cả các đội tàu đều có Chi bộ Đảng, Bí thư Chi bộ là đội trưởng các tàu đánh cá, là trung tâm đoàn kết của tàu thực hiện tốt các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp có hiệu quả như ngày hôm nay. □

NGUYỄN SƠN HẢI

KĨ THUẬT NUÔI CÁ RÔ PHI ĐƠN TÍNH ĐỤC...(Tiếp trang 36)

Ao hồ nuôi thâm canh cá rô phi, diện tích ao nuôi phải từ 0,5-1ha, bờ xây dựng vững chắc, cao hơn mức nước mưa cao nhất từ 0,6-0,8m, có cống cấp và thoát nước ổn định, có máy quạt nước từ 7-8 cánh/hà.

Trước khi nuôi thâm canh hoặc kết hợp, ao hồ phải được tát cạn vét bớt bùn, lấp hết hang hốc, dọn sạch cây cỏ, trang phẳng đáy, dùng 20-25 kg vôi bột/100m² rắc khắp đáy ao để khử chua và diệt cá tạp, phơi nắng 2-3 ngày; rồi lọc nước vào sâu 1,2-1,5m, bón lót phân chuồng ủ mục 80-100 kg/100m² hoặc phân đạm, phân lân để 5-6 ngày tạo lượng sinh vật phù du trong ao phát triển làm thức ăn cho cá sau đó thả cá vào nuôi.

2. Thả giống

Phải chọn cá khỏe mạnh, vây, vây hoàn chỉnh, không bị sây sát, không bị bệnh, cá sáng con, đồng đều.

- Nếu thả cá giống vào ao nuôi thâm canh, phải thả giống to, ít nhất cũng đạt 4-6 cm. Nếu thả đơn thuần là cá rô phi, mật độ 15-20 con/m² cho ăn thức ăn công nghiệp có thể đạt năng suất 10-15 tấn/ha. Thời vụ thả giống vào cuối tháng 3 đầu tháng 4.

- Nếu thả giống ở diện tích vùng nước luân canh tôm cá, sau khi nuôi tôm, mật độ 6-7 con/m², tận dụng thức ăn sẵn có trong đầm và cho ăn thêm thức ăn công nghiệp hoặc thức ăn tự chế biến.

- Nếu thả ở diện tích xen 2 vụ lúa, mật độ 0,5-1 con/m² có thể kết hợp với nuôi tôm càng xanh hoặc một số giống cá khác, cỡ giống thả 8-10 cm.

4. Thức ăn và cách cho ăn

- Thức ăn:

Thức ăn tinh: bột ngô, khoai sắn, gạo, cám; thức ăn xanh: rau muống, bèo trứng cá, bèo hoa dâu, rau thái nhỏ... Các loại động vật: tôm, cá

nhỏ, giun, ốc đã xay nhỏ và các phân loại thải của chế biến thực phẩm (bã bia, bã rượu, lòng trâu bò,...)

Ngoài thức ăn tận dụng trên, để nuôi thâm canh đạt năng suất cao, rút ngắn thời gian nuôi tạo ra hàng hóa xuất khẩu cần phải sử dụng thêm thức ăn công nghiệp.

Cách cho ăn:

- Nếu nuôi thâm canh phải cho ăn 2 lần/ngày vào sáng và chiều tối, lượng thức ăn sử dụng bằng 5-7% trọng lượng cá trong ao. Thức ăn viên được cho vào sàn đặt ở 2-3 địa điểm trong ao để cá ăn. Lượng thức ăn có thể tăng, giảm thông qua theo dõi lượng thức ăn thừa hàng ngày bằng cách kiểm tra sàn ăn để điều chỉnh cho phù hợp.

- Nếu nuôi luân canh hoặc xen canh trong ruộng lúa thì cho ăn bổ sung 4 - 5 ngày một lần bằng thức ăn công nghiệp hoặc thức ăn tự chế biến. Thức ăn cho ăn đặt vào vị trí nhất định để cá quen vào ăn.

- Nếu thả kết hợp với các loại cá khác thì việc cho ăn là tùy theo khả năng của người nuôi.

Tất cả các hình thức nuôi, ngoài thức ăn tinh ra còn phải cho ăn bổ sung: bèo trứng cá, bèo dâu, rau thái nhỏ... cá sẽ lớn nhanh và giảm hệ số thức ăn tinh.

5. Chăm sóc và thu hoạch

- Cá rô phi là loại cá phàm ăn, để cá chóng lớn chăm sóc cho ăn phải đều đặn, đủ số lượng, chất lượng.

Phải thường xuyên kiểm tra bờ cống chống rò rỉ và mưa tràn bờ cá đi mất. Trông nom, chăm sóc, chống câu bắt, đánh lưới, sục điện... Đối với ao thâm canh phải bảo đảm quạt nước chạy từ 4-5 giờ/ngày, thường xuyên quan sát nếu thấy thời tiết thay đổi, thiếu ôxy cá nổi đầu là phải chạy máy quạt nước, chú ý nhất là thời điểm 1-2 giờ đêm đến sáng.

- Cá rô phi đơn tính, nuôi sau 6-8 tháng tuổi có thể đạt cỡ 0,4-0,5, kg/con, nuôi bằng thức ăn công nghiệp KP₅₀ trong 5 tháng có thể đạt 0,5 kg/con đạt kích cỡ thu hoạch.

Đối với ao thâm canh, cá lớn đồng đều, đạt kích cỡ, tất cả thu toàn bộ. Những ao nuôi kết hợp có thể đánh tỉa các con lớn đạt trọng

lượng 0,4 kg trở lên, những con nhỏ nuôi tiếp.

Cá bắt lên thả vào giai hoặc bể sống, cũng có thể dùng máy sục khí thường xuyên giữ cho cá sống và thải phân rồi mới đóng gói chuyển đi.

Nếu cá xuất khẩu phải đưa vào lồng hoặc bể lớn nuôi □

ĐT

Nguồn tài liệu của Vụ Nghề cá

XIN CHÍNH PHỦ THÀNH LẬP CỤC KHUYẾN NGƯ

Khuyến ngư Bộ Thủy sản được thành lập và đi vào hoạt động được 6 năm, tuy nhiên tổ chức này lại giao cho Vụ Nghề cá kiêm nhiệm, quá trình hoạt động bộc lộ nhiều điều bất cập: Là vụ quản lý hành chính Nhà nước không có tư cách pháp nhân, không con dấu, không tài khoản để làm công tác khuyến ngư phải nhờ đơn vị khác. Được giao thêm nhiệm vụ nhưng biên chế không được bổ sung, cán bộ không chuyên sâu nên ảnh hưởng rất lớn đến công tác quản lý Nhà nước. Do không có tổ chức chuyên trách nên việc hướng dẫn, chỉ đạo, quản lý hoạt động các tổ chức khuyến ngư còn nhiều hạn chế và không đáp ứng được yêu cầu ngày một lớn. Trong quan hệ quốc tế, cũng do chưa có tổ chức khuyến ngư chuyên trách nên việc thu hút sự giúp đỡ, hỗ trợ và hợp tác của quốc tế còn nhiều hạn chế.

Để khắc phục tình hình trên, ngày 5/6/1999 Bộ Thủy sản đã có Tờ trình số 1643 TTTr-BTS đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập Cục Khuyến ngư trực thuộc Bộ Thủy sản.

Trong đề án kèm theo tờ trình, Bộ xác định Cục Khuyến ngư có tư cách pháp nhân công quyền, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, trụ sở chính đóng tại Hà Nội, có bộ phận thường trực tại thành phố Hồ Chí Minh. Cục có 12 nhiệm vụ quyền hạn cụ thể. Để triển khai nhiệm vụ trên Cục có Văn phòng, Phòng Công nghệ, Phòng Thông tin - Huấn luyện và Tư liệu, các trung tâm chuyển giao công nghệ vùng (Bắc, Trung, Nam) ...

MÔ HÌNH NUÔI TÔM SÚ CÔNG NGHIỆP ĐẠT 9 TẤN/HA/VỤ

Được sự tài trợ của tỉnh và cố vấn kỹ thuật của Viện NCNTTS II, Trung tâm khuyến ngư Bến Tre thực nghiệm mô hình "nuôi tôm sú

công nghiệp" với diện tích nuôi 2.000m² tại xã Thạnh Phước, huyện Bình Đại, mật độ thả nuôi 45 con P₁₀/m², thức ăn CP của Thái Lan, hệ số chuyển hóa thức ăn 1,42. Vấn đề xử lý nuôi trồng được đặc biệt quan tâm, nước được xử lý trước khi đưa vào ao nuôi, nước thải được sử dụng lại thông qua quá trình lọc sinh học. Kết quả sau 4 tháng nuôi (3/2/1999 - 6/6/1999) thời điểm nắng nóng và mưa dầm dề đầu mùa, tổng chi phí 83.045.000 đồng (con giống 100.000 con - 8.500.000đ; thức ăn - 49.134.000đ; công - 2.321.000đ; hóa chất - 7.130.000đ; chi khác - 5.960.000đ; khấu hao - 10.000.000đ), sau khi trừ chi phí lãi 52.248.000 đồng.

Từ kết quả mô hình trên Bến Tre đang có kế hoạch nhân rộng ra.

NGUYỄN VĂN CHÂU

LỄ TRAO BẰNG TỐT NGHIỆP CHO 26 HỌC VIÊN LỚP CÔNG NHÂN KỸ THUẬT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Ngày 18/5/1999 tại Trung tâm Thủy sản tỉnh Yên Bái, lễ trao bằng tốt nghiệp cho 26 học viên lớp công nhân kỹ thuật nuôi trồng thủy sản do Trường Trung học Thủy sản 4 và Trung tâm Thủy sản tỉnh Yên Bái phối hợp đã được tổ chức.

Qua một năm học tập, thực tập và lao động nghề nghiệp các học viên đã hiểu, nắm được những kiến thức cơ bản về nuôi cá thịt, cá giống, phòng chữa bệnh cá, vận chuyển cá sống... Hầu hết các học viên đều có khả năng hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ nuôi trồng thủy sản, đặc biệt phù hợp với kinh tế trang trại và mô hình VACR.

100% học viên tốt nghiệp, trong đó có gần 40% đạt khá, giỏi. Để tiếp tục nâng cao trình độ cho lao động nghề cá trong tỉnh, Trường và Trung tâm đã kí kết mở lớp khóa VII niên học 1999-2000 với qui mô 32 học viên ở một địa danh thuộc vùng sâu, vùng xa của tỉnh Yên Bái.

NGUYỄN KHẮC THUY

TIN HOẠT ĐỘNG NGHỀ CÁ

PHÁT ĐỘNG TRONG TOÀN NGÀNH HƯỚNG ỨNG CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG THEO NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 6 (LẦN 2)

Để triển khai Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) (NQTW 6 (lần 2)) và triển khai cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng do Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu phát động tại Lễ kỷ niệm 109 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 22/6/1999 Ban Cán sự Đảng Bộ Thủy sản đã tổ chức Phát động trong toàn ngành hướng ứng cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo NQTW 6 (lần 2).

Bí thư Ban Cán sự, Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc phát động toàn ngành hướng ứng cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng từ nay đến giữa năm 2001.

Để cuộc vận động đạt kết quả, toàn ngành phải quán triệt 3 yêu cầu cơ bản, và thực hiện theo 3 bước (từ 19/5/1999 đến 19/5/2001). Bước 1, từ nay đến 2/9/1999 làm tốt 6 nội dung: Thành lập tổ công tác giúp Ban Cán sự triển khai thực hiện NQTW 6 (lần 2), tổ chức học tập NQTW 6 (lần 2) đến tất cả cán bộ, đảng viên trong toàn ngành, xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện một số qui chế, qui định của ngành, xây dựng chương trình hành động, tiến hành tự phê bình và phê bình trong cán bộ, đảng viên...

Hướng ứng cuộc vận động do Ban Cán sự Đảng phát động trong toàn ngành, tại buổi phát động, Bí thư Đảng ủy cơ quan Bộ Thủy sản Nguyễn Ngọc Hồng thay mặt các Đảng bộ cơ quan khối hành chính sự nghiệp; Bí thư Đảng ủy Tổng công ti hải sản Biển Đông Lê Ngọc Phước, thay mặt cán Đảng bộ khối sản xuất kinh doanh trong toàn ngành hứa quyết tâm thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong các Đảng bộ; Phó Chủ tịch CĐTSVN Nguyễn Văn Mùi, Bí thư đoàn TNCSHCM cơ quan Bộ, Vũ Tuấn Cường hứa với Đảng sẽ vận động cán bộ, đoàn viên tham gia tốt cuộc vận động.

HƯỚNG TỚI ĐẠI HỘI ANH HÙNG, CHIẾN SĨ THI ĐUA TOÀN QUỐC

Ngày 7/6/1999, Bộ trưởng Thủy sản đã ban

hành Chỉ thị số 5/1999/CT. BTS về tổ chức phong trào thi đua, hướng tới Đại hội Anh hùng, Chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ 6 vào cuối năm 2000. Chỉ thị nêu 15 nội dung cần triển khai trong toàn ngành, đó là: Cử cố tổ chức thi đua, khen thưởng; Tổ chức phát động phong trào thi đua với nội dung "Thi đua phát huy nỗ lực, lao động sáng tạo nhằm đạt năng suất, chất lượng hiệu quả cao, an toàn và tiết kiệm, thực hiện vượt mức những mục tiêu kế hoạch đã đề ra cho năm 1999 và thời kỳ 1996-2000"; Triển khai thực hiện Chỉ thị số 35/CT-TW ngày 3/5/1998 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác thi đua khen thưởng trong giai đoạn mới; Tổng kết 10 năm phong trào thi đua; Xét chọn và công nhận nghị tuyên dương danh hiệu Anh hùng lao động, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, đợt 1 trước 2/9/1999, đợt 2 trước 1/4/2000; Làm tốt công tác tuyên truyền cổ động với tiêu chí "Thi đua lập thành tích xuất sắc chào mừng 40 năm ngày thành lập ngành (1960-2000) và hướng tới Đại hội Anh hùng, Chiến sĩ thi đua toàn quốc cuối năm 2000".

BỘ THỦY SẢN ĐANG TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO TIẾP TỤC HOÀN CHỈNH DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH TRIỂN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÌNH CHÍNH PHỦ

Trong tháng 5, Bộ đã tổ chức 2 cuộc hội thảo tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh để lấy ý kiến đóng góp tham gia của các địa phương, cơ sở, các nhà khoa học trong và ngoài ngành. Sau khi tiếp thu các kiến nghị tại các hội thảo, Ban soạn thảo chương trình chỉnh lý bản dự thảo trình Ban Cán sự trước khi trình Chính phủ. Bên cạnh đó, Dự án nghiên cứu nguồn hải sản xa bờ cũng đã được Ban Cán sự cho ý kiến cuối để hoàn chỉnh trình Chính phủ và gửi lấy ý kiến của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường.

ĐÓNG TÀU KHAI THÁC HẢI SẢN XA BỜ

Đến nay đã có 626 dự án được duyệt vay vốn để đóng tàu khai thác hải sản xa bờ, với tổng số 9 chiếc (đóng mới 799, cải hoán 119). Đã hạ thủy và sản xuất 678 chiếc (đóng mới 627, cải hoán 51). Tổng số vốn thực hiện là 742,802 tỉ đồng, trong đó vốn dụng ưu đãi giải ngân 642,529 tỉ đồng (73,05%), vốn do dân tự bổ sung 100,273 tỉ đồng. Nhìn chung, c

tàu thuộc Chương trình đánh cá xa bờ bước đầu hoạt động có hiệu quả, tuy nhiên việc trả nợ vốn vay cho thấy có những khó khăn. Kế hoạch thu nợ năm 1999 của các đơn vị cho vay là 75,560 tỉ đồng. Đến 31/5/1999, số nợ thu được mới chỉ đạt 6,197 tỉ đồng, bằng 8,2% kế hoạch.

CUỘC HỌP THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 6 VỀ CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN CỦA ỦY HỘI QUỐC TẾ SÔNG MÊKÔNG

Cuộc họp được tổ chức tại Thái Lan từ ngày 8 đến 10/6/1999, đoàn đại biểu của Bộ Thủy sản Việt Nam tham dự cuộc họp này.

Hiện nay, ngành thủy sản đang triển khai thực hiện 3 dự án với Ủy hội quốc tế sông Mê Kông. Đó là: Dự án quản lý nghề cá hồ chứa lưu vực Mê Kông (sẽ kết thúc pha I vào tháng 9 năm nay), Dự án khuyến ngư phát triển nuôi trồng thủy sản ở đồng bằng sông Mê Kông và Dự án đánh giá nghề cá sông Mê Kông – sự di cư, sinh sản của cá và tác động của quản lý nguồn nước.

HỘI THẢO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC DOANH NGHIỆP CHẾ BIẾN THỦY SẢN PHÍA BẮC

Hội thảo được tổ chức tại Hà Nội trong 2 ngày 1 và 2/6/1999 với sự tham gia của gần 70 đại biểu. Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc và Thứ trưởng Nguyễn Thị Hồng Minh đã tham dự và phát biểu ý kiến.

Các doanh nghiệp chế biến thủy sản phía Bắc hiện đang gặp nhiều khó khăn trong tìm nguồn nguyên liệu, đầu tư nâng cấp nhà máy và thị trường tiêu thụ. Dù đã có nhiều cố gắng vươn lên để tồn tại trong thời gian qua, nhưng các doanh nghiệp cần chủ động và có chương trình cụ thể hơn để vượt qua trở ngại, tìm đường phát triển, góp sức thực hiện thắng lợi Chương trình XKTS của ngành.

TỔNG KẾT DỰ ÁN SEAQIP

Dự án cải thiện chất lượng và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (SEAQIP) đã tổ chức tổng kết giai đoạn I tại Hà Nội ngày 11/6/1999, Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc, Thứ trưởng Nguyễn Thị Hồng Minh và Đại sứ Đan Mạch tại Việt Nam đã đến dự. Đây là dự án hỗ trợ kỹ thuật viện trợ không hoàn lại của DANIDA dành cho Bộ Thủy sản với mục tiêu nâng cao kim ngạch xuất khẩu thủy sản của nước ta và cải thiện khả năng thu nhập cho ngư dân. Sau 3 năm thực hiện, Dự án đã thực hiện tốt những nhiệm vụ và các hoạt động chủ yếu đã được

đề ra, góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến và xuất khẩu thủy sản, nâng cao uy tín về chất lượng sản phẩm thủy sản nước ta trên thị trường thế giới. Được biết các hoạt động của Dự án sẽ được tiếp tục trong 1 giai đoạn cầu nối đến hết tháng 11/1999, tiếp đó là giai đoạn II được thực hiện đến năm 2005 như một hợp phần trong chương trình hỗ trợ ngành.

24 ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP BỘ ĐƯỢC KẾT THÚC TRONG NĂM 1998

Cho đến nay, Hội đồng nghiệm thu (HĐNT) các đề tài nghiên cứu KHCN cấp Bộ đã hoàn tất việc tổ chức nghiệm thu các đề tài trên. Ngoài ra, HĐNT đề tài nghiên cứu KHCN cấp Nhà nước cũng đã tiến hành nghiệm thu đề tài "Nghiên cứu phương pháp chẩn đoán và biện pháp phòng ngừa bệnh tôm do vi sinh và virus gây ra ở đồng bằng sông Cửu Long" do PTS Nguyễn Việt Thắng làm chủ nhiệm đề tài. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá đề tài đạt loại xuất sắc với 100% số phiếu.

ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ THÔNG TIN THỦY SẢN

Trung tâm Thông tin Khoa học công nghệ và Kinh tế thủy sản phối hợp với Trung tâm Thông tin Tư liệu Khoa học và Công nghệ Quốc gia đã tổ chức lớp đào tạo nghiệp vụ thông tin với chủ đề "Cập nhật và khai thác thông tin bằng phần mềm CDS/ISIS FOR WINDOW" từ ngày 1/6 đến 10/6/1999 tại Bộ Thủy sản nhằm thiết lập mạng lưới thông tin khoa học trong toàn ngành thủy sản để tăng cường khả năng khai thác nguồn lực thông tin - tư liệu - thư viện, phục vụ công tác quản lý, nghiên cứu khoa học, đào tạo trong toàn ngành.

12 học viên là cán bộ làm công tác thông tin thuộc Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản II, Viện Hải sản, Trung tâm nghiên cứu thủy sản III, Viện Kinh tế và Qui hoạch thủy sản và Trường đại học Thủy sản tham gia lớp đào tạo. Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc, Thứ trưởng Nguyễn Việt Thắng đã tới dự lễ khai mạc. Thứ trưởng Nguyễn Việt Thắng và các đồng chí lãnh đạo Vụ Khoa học và Công nghệ đã tham dự buổi toa đàm giữa Trung tâm Thông tin KHCN và Kinh tế thủy sản với các học viên về xây dựng và phát triển mạng lưới thông tin khoa học trong ngành thủy sản. Qua lớp học các học viên nắm được kỹ thuật xử lý tài liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin tư liệu; kỹ năng cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu trên phần mềm WINISIS□

Trang tin có sự cộng tác của III, ĐT, TN,...

HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN

TRÊN 77 TRIỆU ĐỒNG ỦNG HỘ BỘ ĐỘI TRƯỜNG SA

Để tăng cường tình đoàn kết quân dân biển, đảo, CĐTSVN đã phát động đợt quyền góp ủng hộ bộ đội Trường Sa. Kết quả từ 1/4 đến cuối tháng 5/1999 toàn ngành đã quyền góp được 77,211 triệu đồng. Ngày 26/5/1999 tại cơ quan Bộ Thủy sản, CĐTSVN tổ chức lễ trao tặng cho bộ đội Trường Sa qua Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam. 69 đơn vị tham gia đóng góp: Công ti QĐ đánh cá Kiên Giang, Tổng công ti thủy sản Việt Nam, Tổng công ti thủy sản Biển Đông - mỗi đơn vị 5 triệu đồng; Công ti XNK thủy sản Hà Nội - 3 triệu đồng; Công ti đóng tàu thủy sản Hải Phòng, Công ti Kỹ nghệ lạnh, XN Mát hàng mới, Công ti XNK thủy sản miền Trung, Nhà máy đóng tàu Sông Đào, XN Chế biến XK Cầu Tre, XN Liên hợp thủy sản Hạ Long, Công ti XNK Cà Mau, CĐ thủy sản Thừa Thiên-Huế - mỗi đơn vị 2 triệu đồng; 28 đơn vị - mỗi đơn vị 1 triệu đồng; và 28 đơn vị - mỗi đơn vị từ 500.000 đồng trở xuống.

SAU 15 NGÀY PHÁT ĐỘNG TIỀN MUA CÔNG TRÁI ĐẠT TRÊN 80% KẾ HOẠCH

Hưởng ứng cuộc vận động mua công trái xây dựng Tổ Quốc, sáng ngày 25/5/1999 tại cơ quan Bộ Thủy sản CĐTSVN tổ chức lễ phát động công nhân, lao động trong toàn ngành mua công

trái xây dựng Tổ Quốc.

Ngay sau lễ phát động, đông đảo cán bộ công chức và nhân viên cơ quan Bộ Thủy sản Văn phòng CĐTSVN và một số đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Bộ đóng trên địa bàn Hà Nội đã mua công trái.

Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc, Chủ tịch CĐTSVN Nguyễn Việt Thắng và nhiều cán bộ cấp vụ, thủ trưởng các đơn vị trên đã đến mua công trái trong những giờ đầu tiên.

Ngay trong ngày đầu các đơn vị đã mua 35,55 triệu đồng công trái.

Theo thông báo của CĐTSVN, tính đến 10/6 các đơn vị trực thuộc Bộ Thủy sản tổng số tiền mua công trái đạt trên 80% kế hoạch. Đơn vị đạt cao nhất là Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I mua 42,9 triệu đồng, đạt 171,6% kế hoạch bình quân 400.000 đồng/người.

Để đạt và vượt chỉ tiêu, các đơn vị trong ngành đang tiếp tục vận động công nhân lao động mua công trái và sẽ kết thúc vào ngày 30/6/1999.

TẬP HUẤN VÀ GIAO BAN CỤM

Để tiếp tục triển khai mục tiêu và nhiệm vụ của Đại hội lần thứ II CĐTSVN đề ra, trong ngày từ 8 - 9/6/1999, CĐTSVN đã tổ chức tập huấn và giao ban cụm phía Nam tại Kiên Giang. Với các nội dung chủ yếu:

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ của CĐVN và CĐTSVN giai đoạn 1998-2000 đến cấp cơ sở.

- Những vấn đề cơ bản của UBKT công đoàn và Ban Thanh tra nhân dân tại cơ sở.

- Một số vấn đề về qui chế dân chủ, về Luật Khiếu nại tố cáo của công dân...

- Sơ kết tình hình hoạt động công đoàn 6 tháng đầu năm 1999.

Được biết việc tập huấn và giao ban cho các công đoàn ngành của cả



đơn vị phía Bắc sẽ được tổ chức vào ngày 23 - 24/6/1999 tại Thanh Hóa.

HÀ TỈNH HƯỞNG ỨNG TUẦN LỄ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ THÁNG HÀNH ĐỘNG VÌ TRẺ

Hưởng ứng Tuần lễ vệ sinh môi trường và an toàn lao động do Nhà nước và TLĐLĐVN phát động (5/5/1999-11/5/1999), 100% công đoàn cơ sở thuộc công đoàn thủy sản Hà Tĩnh hưởng ứng; đã tham gia xử lý rác trong nội bộ cơ quan, xí nghiệp; trồng thêm cây xanh trong khu vực cơ quan; thi tìm hiểu về ATLĐ trong nghề nghiệp... Kết quả đến 10/5/1999, các đơn vị trong ngành thủy sản Hà Tĩnh đã xử lý thu gom được 4,5 tấn rác thải; tổ chức thi và tuyển chọn vào chung kết cho 40 thí sinh dự thi về nội dung ATLĐ; Tổ chức cho 1.146 lượt công nhân làm vệ sinh xung quang khu vực làm việc; đắp thêm 80 mét đường nội bộ.

Cũng trong tháng, hưởng ứng Tháng hành động vì trẻ em, Công đoàn thủy sản Hà Tĩnh đã xuất quỹ mua 190 vé xổ số nhân đạo vì trẻ em nghèo, với tổng số tiền 570.000 đồng. Đã vận động 100% CNVC và LĐ quyên góp đồ dùng, thiết bị học tập, quần áo... để giúp đỡ trẻ em mồ côi, khó khăn không nơi nương tựa ... trị giá 200.000 đồng. Số vật phẩm này đã được chuyển cho Liên đoàn lao động tỉnh Hà Tĩnh.

CÔNG TI CỔ PHẦN HANEL-XỐP NHỰA TẶNG 100 PHAO TRÒN CỨU SINH

Hưởng ứng lời kêu gọi của Quĩ nhân đạo Nghề cá Việt Nam "Vì 1 vạn phao cứu sinh cho ngư dân nghèo năm 1999", ngày 26/5/1999, tại cơ quan Bộ Thủy sản, thay mặt Công ti cổ phần Hanel - Xốp nhựa, Chủ tịch Hội đồng quản trị Ninh Văn Miến và Giám đốc Công ti Hoàng Minh Châu đã trao tặng 100 phao tròn cứu sinh, sản phẩm do Công ti sản xuất đã được cấp giấy chứng nhận chất lượng với tổng giá trị 12.000.000 đồng.

Phát biểu tại Lễ trao tặng, sau khi nêu lên tình cảm của Công ti với nghề cá, cảm ơn sự đón tiếp nhiệt tình của Quĩ nhân đạo Nghề cá Việt Nam, Ông hứa: hàng năm, cùng với sự phát triển của Công ti, Công ti sẽ có đóng góp

*Trang Công đoàn có sự phối hợp
của Văn phòng CĐTSVN*

tương xứng với Quĩ nhân đạo Nghề cá Việt Nam.

Được biết Công ti Hanel - Xốp nhựa là doanh nghiệp ngoài ngành đầu tiên ở các tỉnh phía Bắc đóng góp theo nội dung vì 1 vạn phao cứu sinh cho ngư dân nghèo năm 1999.

83 CÁ NHÂN ĐƯỢC CĐTSVN ĐỀ NGHỊ TLĐLĐVN TẶNG HUY CHƯƠNG VÌ SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

Thực hiện chủ trương của TLĐLĐVN về việc thưởng huy chương "Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức công đoàn". Đến 31/5/1999 toàn ngành thủy sản có 83 cá nhân đủ tiêu chuẩn được CĐTSVN đề nghị TLĐLĐVN tặng huy chương "Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức công đoàn".

CÔNG ĐOÀN SEAPRODEX MIỀN TRUNG THI TÌM HIỂU VỀ TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN

Để tiến tới kỉ niệm 70 năm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam, Công đoàn Seaprodex miền Trung đã tổ chức thi tìm hiểu về tổ chức công đoàn, với 2 hình thức viết và vấn đáp, 100% đoàn viên công đoàn cơ sở tham gia, cuộc thi được tuyển chọn từ cơ sở. Các cá nhân được giải đã được khen thưởng.

Qua cuộc thi làm cho đoàn viên hiểu rõ vị trí, vai trò của công đoàn trong sự nghiệp CNH, HĐH; nâng cao nhận thức về quyền và nghĩa vụ của đoàn viên và tổ chức công đoàn; hiểu sâu sắc về các chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước với người lao động. Thông qua đó kiểm tra việc thực hiện chế độ chính sách của người sử dụng lao động đối với công nhân, lao động trong phạm vi doanh nghiệp.



Tạp chí Thủy sản

Xuất bản 2 tháng một kì

Số 3 (72) tháng 5 - 6/1999

Fisheries review

Bimonthly

Nº3 (72) May - June /1999

TRONG SỐ NÀY

- Chủ tịch nước Trần Đức Lương gặp gỡ những người lao động giỏi trong nghề cá **Đỗ Hạnh**
- Nuôi trồng thủy sản-một lợi thế phát triển ngành thủy sản **Hoàng Hà**
- Công ti Tư vấn đầu tư và Thiết kế tàu thuyền phân đấu vươn lên đáp ứng yêu cầu của ngành **Nguyễn Quang Vinh**

- VASEP - bạn đồng hành với các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu thủy sản **Lê Hà**

- 10 hoạt động nổi bật về bảo vệ môi trường ở nước ta từ 5/6/1998 đến 5/6/1999 *******

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

- Nuôi trồng thủy sản hợp lí trong rừng ngập mặn **Đỗ Văn Khương**
- Sản xuất giống một số loài cá nuôi ở các tỉnh miền núi Tây Bắc **Nguyễn Huy Điền**

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- Nuôi tôm xuất khẩu ở Bến Tre - Tiềm năng và giải pháp **Trương Văn Lực**

VẤN ĐỀ THAM KHẢO

- Bản tuyên bố Rôma về thực hiện qui chuẩn ứng xử của nghề cá có trách nhiệm **Vũ Văn Triệu**

NGHỀ CÁ NƯỚC NGOÀI

- Khả năng lập lại cân bằng trong tiêu thụ thủy sản của thế giới

BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

KHUYẾN NGU

TIN HOẠT ĐỘNG NGHỀ CÁ

HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN

IN THIS ISSUE

- The President Tran Duc Luong has met the good labours of fishery sector **Do Hanh**
- Aquaculture-an advantage for development of the fishery sector **Hoang Ha**
- The Consulting Investment and Design Company (CIDECO) is trying to respond the requirement of the fishery sector **Nguyen Quang Vinh**

Nguyen Quang Vinh

- The Vietnam Association of seafood exporters and producers (VASEP) is a fellow traveller of the fishery processing and exporting enterprises **Le Ha**
- Ten main distinguished activities regarding to the environmental protection in our country from 5 June 1998 to 5 June 1999 *******

SCIENCE TECHNOLOGY

- A suitable aquaculture in the mangrove areas **Do Van Khuong**
- Seed production of some species for freshwater aquaculture in the Northwest highland provinces **Nguyen Huy Dien**

EXCHANGE OF OPINIONS

- Shrimp culture for export in Ben Tre province- Its pontential and resolution **Truong Van Lu**

REFERENCE

- The Rome declaration about the Code of conduct on responsible fisheries **Vu Van Trieu**

FISHERIES ABROAD

- The possibility of balance restoration in consuming of seafood products in the world

PROTECTION OF FISHERIES RESOURCE

FISHERIES EXTENSION

NEWS ON FISHERIES ACTIVITIES

TRADE UNION ACTIVITIES

Tòa soạn: 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại : 8345457. Fax: 048.326702

Tổng biên tập: PTS. Tạ Quang Ngọc

Headquater: 10 Nguyễn Công Hoan road, Ba Đình Dist, Hà Nội

Telephone: 8 345457. Fax 048.326702

Editor-in-Chief: Dr. Tạ Quang Ngọc